

SƠN-NAM

CHUYỆN XƯA

TÍCH CŨ



QUYỀN

1

Chuyện hay tích lạ mới nhất

SƠN - NAM

SƯU - TẦM

CHUYỆN XƯA TÍCH CŨ

IN LẦN THỨ BA

Nhà xuất bản Rạng-Đông

316, Bến Chương-Dương — SAIGON

ÔNG KHÔNG-LỒ ĐÚC CHUÔNG

NGHỀ đúc chuông bắt đầu có ở Việt-Nam vào khoảng năm 1220 đời nhà Lý.

Lúc ấy, Ngọc - Hoàng ra lệnh cho ông Không - Lồ xuống giúp dân Việt. Ban đầu, ông Không - Lồ vào chùa tu.

Một hôm, ông tâu với vua nhà Lý rằng :

— Bấy lâu nay người Tàu cai trị nước ta. Chúng vơ vét bao nhiêu ngà ngọc châu báu. Xin bệ hạ cho phép bần tăng qua bên Tàu, lấy những của quý ấy về.

Vua nhà Lý bằng lòng. Ông Không - Lồ bèn mang bị, mang gậy đi qua nước Tàu, đến đâu ăn xin đến đó. Ngày nọ tới kinh đô, ông nài nỉ vào Đại yết vua Tàu.

Vua Tàu hỏi :

— Hòa thượng vào đây có việc chi ?

Ông Không-Lồ đáp :

— Tàu bệ hạ, bản tăng xin phép được vào kho tàng để thỉnh chút ít đồng đen đem về đúc chuông thờ Phật. Bản tăng không lấy nhiều, chỉ xin đây bị nhỏ này.

Thấy cái bị của ông Không - Lồ không lớn mấy, vua bằng lòng cho phép ông vào kho.

Trước cửa kho, có tượng một con trâu to lớn đúc bằng vàng ròng. Quan Tàu giữ kho nói với ông Không-Lồ, giọng mỉa mai :

— Tôi cho Hòa thượng con trâu vàng này, nếu Hòa Thượng vát nó nổi đem về An-nam.

Biết rằng quan giữ kho khinh khi mình, ông Không-Lồ đáp :

— Bản đạo làm sao vát nó nổi. Là người tu hành, bản đạo chỉ muốn thỉnh chút ít đồng đen đem về đúc chuông.

Vô tới kho đồng đen, ông Không-Lồ hốt đồng bỏ vô bị. Bỏ vô rất nhiều mà không đầy vì bị của ông có phép. Chừng đầy bị thì kho của vua Tàu đã lưng hơn phân nửa. Quan giữ kho hoảng sợ biết ông Không-Lồ là kẻ dị thường, bèn cấp báo

cho vua hay. Lập tức, vua Tàu sai quân sĩ tới vây. Vì số đồng đen mang nhiều quá, ông Khổng-Lồ không thể nào hóa phép thành con chim dễ bay được. Ông phải chạy rất nặng nhọc, vất vả. Quân Tàu đuổi theo gần kịp, nhờ họ cưỡi ngựa. Nguy hiểm làm sao, ông Khổng-Lồ chạy tới sông Hồng-Hà. Lập tức, ông lấy cái nón thả xuống nước, đứng trên nón. Nón ấy hóa ra chiếc thuyền chở ông và bị đồng đen nọ đến bên kia sông. Quân Tàu hoảng sợ, không dám đuổi theo.

Thành Hà-Nội thuở ấy gọi là Bắc-Thành. Về tới đó, ông Khổng-Lồ nhờ mấy người thợ rèn thụt ống bễ lên để rèn một cái chuông thật lớn. Ông căn dặn : rèn thế nào cho chuông này giống hình cái bông sen nở, khi đánh vô thì kêu rền lên khắp nơi, khắp chốn ai cũng nghe.

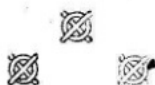
Vì họ là thợ rèn không chuyên môn đúc đồng nên cái chuông không được như ý muốn. Rốt cuộc ông Khổng-Lồ dùng đất sét nắn kiêu khuôn trước, rồi đổ đồng vô sau. Nhờ vậy, cái chuông hoàn thành.

Ông Khổng-Lồ bèn sửa sang cuộc lễ để tạ ơn Phật Trời. Đúng ngày ông đánh chuông. Mấy tiếng đầu vang rền ngân nga Đông, Tây, Nam, Bắc ai nấy đều hay biết... Đến hồi con trâu bằng vàng đứng giữ kho bên Tàu cũng giật mình. Ngỡ rằng

trâu mẹ gọi mình, tượng trâu vàng nọ chạy một mạch từ kinh đô nước Tàu qua tới kinh đô nước Việt-Nam thời ấy.

Ông Khổng-Lồ vừa mừng, vừa sợ hãi. Mừng vì thấy của cải mà người Tàu vơ vét của dân Việt-Nam bây giờ trở về Việt-Nam. Sợ vì e vua Tàu cử đại binh qua xâm chiếm nước nhà phen nữa. Bởi vậy, ông liệng cái chuông nọ xuống Hồ-Tây. Con trâu vàng nọ cũng nhảy xuống nước theo mẹ.

Đời sau, ông Khổng-Lồ được tôn thờ là thần đúc chuông.



CÂY MẮC CỜ

NGÀY xưa, có một cô gái rất đẹp. Xóm làng ai cũng trầm trồ khen ngợi. Cô này tên là Trinh, hình vóc mảnh mai; tướng di yểu điệu. Đặc biệt cô có đôi mắt đen huyền che khuất sau đôi hàng lông nheo vừa dài, vừa sậm.

Hằng ngày cô Trinh phải buôn tảo bán lần, gánh rau ra chợ bán để nuôi mẹ già, em dại. Hễ

gặp cậu trai nào dòm ngó, cô luôn luôn e thẹn cúi đầu. Hai hàng lông nheo sụp xuống che khuất đôi mắt.

Đã có sắc đẹp lại có hạnh kiểm tốt ai mà không yêu !

Trong xóm có cậu Công-tử họ tên Xinh. Cậu Xinh đem lòng yêu mến cô Trinh, mỗi ngày đón đường để mong thốt với cô vài lời tâm sự. Cô Trinh từ chối :

— Trăm sự, phải nhờ sự ưng thuận của mẹ tôi ở nhà.

Nhóm bình tương tư, một hôm cậu Xinh đi tò vè sau lưng cô mà trộm ngắm. Thừa lúc vô ý, cậu chạy lại nắm tay cô. Cô nói :

— Cậu đừng làm vậy mà thất giáo. Tôi đây thà chết chứ không bao giờ dễ hoen ố..

Bình tương tư của cậu Xinh ngày thêm trầm trọng. Ông bá hộ, cha của cậu, biết rằng con trai mình lớn tuổi, cần phải cưới vợ. Ông tìm nơi môn đăng hộ đối để định gia thất cho con.

Cậu Xinh không giải được cơn sầu. Phải chi cô Trinh là con nhà giàu có thì cậu cưới được. Ngặt cô rất nghèo khó. Sống với người vợ không vừa ý, cậu vô cùng phẫn chí, đi tới đi lui như xác không hồn.

Sau đó cậu đi học phương xa.

Thời gian thấm thoát không biết mấy thu qua xuân lại rồi mà hình ảnh cô Trinh vẫn còn ghi trong tâm não của cậu. Một hôm trở về làng cũ, cậu Xinh đi thần thờ ra sau vườn gần mé sông,

Bỗng nhiên, từ trong bụi rậm, cô Trinh bước ra. Cậu đứng nhìn, kia cô Trinh cất tiếng hát: giọng trong trẻo, mê ly lạ thường. Chợt thấy cậu, cô Trinh run rẩy, day mặt lại toan chạy trốn. Cậu Xinh vội nắm tay cô rồi ôm vốc ngọc vào lòng. Rõ ràng là đôi mắt đen huyền ngày xưa khuất sau hai hàng lông nheo dài sạm. Cậu cúi mặt xuống để hun. Nhưng hồi òi nàng tắt thở. Cậu giật mình, mới biết này giờ mình đang cúi xuống đất mà hun một đoá hoa màu hường, xung quanh đầy lá nhỏ mịn, thứ lá xếp lại khi có hơi gió hoặc hơi thở nào động tới.

Hỏi ra thì cô Trinh đã tự tử từ hai năm nay vì có kẻ quan tham ô lại dùng quyền lực toan cưỡng bức cô. Cho hay ! Chử trinh đáng giá biết mấy. Dẫu chết xuống âm cảnh, người thiếu nữ vẫn giữ sự trong sạch của tâm hồn mình.



NGƯỜI CHỒNG BẤT NGHĨA

ĐỜI nhà Đường, nước ta bị quân Tàu cai trị. Người Tàu đến ở thành Đại-La (Hà - Nội) rất đông.

Quan Tàu thấy một thiếu nữ Việt - Nam tên Liên-Anh có nhan sắc nét na bèn cưới cho con trai của mình.

Về nhà sống chung với cậu Công-tử nọ, Liên-Anh tỏ ra đảm đương, hiền hậu. Đôi vợ chồng trẻ năm sau có đứa con trai đầu lòng.

Hai năm qua, đời sống gia đình họ rất hạnh phúc.

Nhưng bỗng đâu có người bạn bọc cũ tới thăm. Anh chồng bèn thiết tiệc linh đình cùng với vài vị quan Tàu khác. Buổi tiệc sắp đặt tại vườn hoa.

Họ uống rượu rất nhiều. Chừng ai nấy ngà ngà say, người bạn nọ có ý nghĩ trớ trêu :

— Bần cùng mới biết hiếu tử. Nước loạn mới rõ tời trung. Có gặp sự cảm dỗ, ve vãn của bạn bè, mình mới biết vợ mình có thiệt lòng yêu mình không ?

Anh chàng nọ gật đầu :

— Phải ! Phải lắm. Như vợ tôi đây thương tôi lắm. Ngặt chưa bạn bè nào tới cảm dỗ để tôi dò xét thử...

Người bạn rót rượu thêm :

— Vậy thì ông nên cho phép anh em ở đây tới cảm dỗ thử. Nếu không xong thì rõ ràng là người đàn bà tốt.

Anh chồng nọ say rượu không kịp nghĩ suy bèn cho phép bạn bè tới ve vãn vợ mình.



Nàng Liên-Anh đang ngồi trong phòng the ru con ngủ. Bỗng nhiên một vị quan trai trẻ đến, buông lời đường mật.

Nàng từ khước, đuổi ra.

Lại một vị khác bước vào, buông ra bao nhiêu là giọng kèn tiếng quyên. Nàng Liên-Anh không đồng ý. Lại có vị quan thứ ba, thứ tư bước vào...

Sau cùng nàng Liên-Anh nhìn đứa con trai mà khóc :

— Hồi nào đến giờ, mẹ là người nết na đoan trang. Nay bỗng dưng nhiều người tới đây toan làm điều bất nhả. Chắc là mẹ có sơ sót điều gì về hạnh kiểm nên thiên hạ mới suồng sã

như vậy. Hay là họ khinh khi người dân bà Việt-Nam không biết giữ lòng chung thủy ?

Nàng thất cổ tự tử.

Sau đó quan trên điều tra chuyện này, ra lệnh xử tử người chồng nàng Liên-Anh. Chính hắn mới là chánh phạm trong vụ giết người vợ hiền.



CON TRÂU BAY

Có anh nông phu nọ mua được một con trâu tơ mười hai đồng bạc, đem về cày ruộng. Trâu mạnh khoẻ, dai sức lắm.

Đêm ngủ, anh ta nằm chiêm bao thấy trâu nọ mọc hai cái cánh bên hông, bay bổng đi mất. Lúc thức dậy anh ta nghĩ rằng : «Đó là điềm bất lành. Mình phải bán con trâu này. Không thì nó cũng mất».

Hôm sau anh dắt trâu ra chợ, bán lại được sáu đồng bạc. Bèn lấy dây thắt lưng buộc sổ tiền ấy lại.

Đến nửa đường, anh thấy một con chim lớn

đang đứng mỗ vào xác con chuột chết. Lại gần xem thử, thì con chim nọ dạn dĩ, không bay. Anh vồ con chim nọ, dùng dây thắt lưng buộc vào chân chim.

Đi được một lát, chim nọ vùng vẫy, mỗ vào tay đau đớn. Vô ý anh buông con chim ra. Chim bay bổng, mang theo cái thắt lưng buộc bạc.

Về tới nhà, vợ anh hỏi :

— Con trâu đâu ?

Anh thở dài :

— Nó bay mất rồi !...



ÔNG ĐỊA LÀNG BÌNH - SỪNG

LÀNG - BÌNH - SỪNG có gốc cây đa to. Kế bên là miếu thờ ông Địa. Dân làng đồn rằng, ông Địa này tinh lắm, nên họ hằng tới lui cúng kiến, khấn vái. Họ phải lằng phí rất nhiều tiền bạc để mua gà vịt, nhang đèn.

Có một anh nọ không tin như vậy, thề không bao giờ cúng vái ông Địa. Lắm khi đi ngang qua

miếu, anh nói giả ngợ : « Ông Địa ơi ! Có rảnh chiều nay lại nhà uống rượu với tôi chơi. » Ai rầy la cũng mặc, anh không bỏ thói đó.

Hôm nọ bỗng dưng, anh ngã lăn ra ôm bụng mà rên la dữ dội. Vợ anh chạy thuốc đủ điều mà bệnh không thuyên giảm. Sau rốt có người bàn nói :

— Chắc là chồng chị bị ông Địa quở, chị lên ra miếu van vái, xin tạ tội thử coi !

Y như lời, vợ anh đem nhang đèn ra miếu vái lạy. Về tới nhà, anh nọ đã hết đau.

Bữa sau, chị vợ khuyên chồng làm thịt heo trả lễ ông Địa. Anh đồ quạu :

— Ai biểu mình vái. Ông Địa cứu tôi, đó là hồn phách của ông. Ông nghĩa gì.

Hôm sau, anh nọ phát đau dữ dội lần nữa.

Xóm giềng bàn tán :

— Chắc ông Địa quở rồi ! Hôm trước có hứa, sao không chịu cúng heo cho ông.

Chị vợ ra miếu khẩn vái. Chập sau, anh cũng hết đau. Vì vậy, hôm sau chị cương quyết làm thịt heo cúng. Nghe vậy, anh cãi lại :

— Để tôi lo cho. Mình phải giao con heo sống nhấc này cho ông. Nấu nướng trước, sợ ông ăn không vừa miệng.

Rồi anh cột dây, dắt con heo ra miếu, cột chặt con heo vào cột ông Địa.

Tối trưa, heo đói bụng bèn lòi cột ông Địa về nhà. Xóm giềng hoảng sợ. Song anh nọ tỉnh táo đem cột nọ tắm sạch sẽ rồi ôm ra miếu trả lại chỗ cũ.

Thấy anh nọ quá ngạo mạn dễ người, ông Địa quyết răn dạy anh một phen đích đáng hơn mấy lần trước nên đến bà Cửu-Thiên Huyền-Nữ mượn cái kim cô đem về. Báu vật này giống như cái niền, hễ tròng cái kim cô vào đầu ai thì kẻ đó phải đau đớn không tả; cái niền siết vào đầu ngày một chặt, đến bể sọ.

Hôm sau anh nọ bỗng nhiên la lên nhức đầu nhào lộn xuống đất. Không ai biết cách nào cứu trị. Có người khuyên nên vái ông Địa. Chị vợ khóc lóc :

— Vái rồi chừng lành không chịu tạ ơn ! Ai dám vái nữa.

Kẻ khác bèn nói :

— Chắc chồng chị tiếc con heo, vậy thì vái gà vịt thế vào đó cũng được.

Đầu anh nọ càng nhức thêm. Túng thế anh vái :

— Ông Địa cho tôi hết nhức đầu, tôi cúng cho ông...

Tới đó, anh suy nghĩ không biết nên hứa cùng vật gì cho gọn. Thấy anh quá bẽn lẽn, ông Địa bèn niệm thần chú cho cái kim cô nọ siết gắt hơn. Vì quá đau, anh nổi giận thét lớn :

— Minh đưa cái búa lớn cho tôi. Để tôi búa óc tôi ra coi cái gì ở trong mà nhức nhối hành hạ quá vậy ?

Biết anh nọ gan dạ, ông Địa sợ anh búa ra thiệt. Nếu vậy, cái kim cô của bà Cửu-Thiên Huyền-Nữ phải đứt, uổng bừa bồi nọ quá, phải bồi thương. Ông bèn tháo cái kim cô về miếu.

Từ đó, anh nọ không còn đau bụng nhức đầu gì nữa. Xóm riềng cũng bớt tin dị đoan cùng vài lặt vặt hao tài tốn công vô lý như trước.



NGƯỜI VỢ BÉ TÀI - ĐỨC

Ở TỈNH THANH - HÓA, có ông nhà giàu nọ cưới người vợ bé rất trẻ, rất đẹp. Bà vợ lớn thấy vậy sanh ra ghen tương, nay đánh, mai

chưởi, sai làm công việc nặng nhọc. Người vợ bé cam chịu không hé môi phiền trách.

Bên nọ, ăn cướp tới động cửa. Người chồng và người vợ lớn sợ hết hồn hết vía, kéo nhau vào một xó, nín hơi không dám cục cựa. Cô vợ bé bèn cầm roi, mở cửa ra đánh bọn cướp chạy toi bời.

Tàn cuộc, người vợ lớn mới hỏi :

— Di có tài có phép gì mà đánh tan tụi nó lạ vậy.

Người vợ bé nói : «Cha tôi là thầy nghề võ. Khi còn bé, cha tôi có dạy tôi chút ít nghề cho nên hôm nay tôi mới trừ được chúng nó».

Từ đó, trong làng ai cũng khen cô vợ bé là giỏi. Có người hỏi thử : «Cô có nghề võ giỏi như vậy, tại sao khi bà vợ lớn đánh, cô không đánh lại». Cô vợ bé trả lời : «Tôi là kẻ bề dưới, có khi nào dám đánh kẻ bề trên».

Câu trả lời ấy lần lần thấu tai bà vợ lớn. Bà này suy nghĩ lại, mới đem lòng thương yêu người vợ lẽ, không dám đánh chưởi hành hạ như trước nữa.



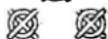
SĂN CHUỘT

CHUỘT là giống vật gây bao nhiêu thảm hại cho nhà nông.

Ở ngoài đồng, khi lúa chín thì chuột tung ra cắn phá. Để trừ nó, nhiều người làm bẫy đánh thuốc độc hoặc chận các ngách rồi quạt khói vô hang. Ngoài cửa hang chánh, người ta đặt cái rọ. Bao nhiêu chuột bị ngột phải chùng vô rọ đó.

Ở làng Cồ-Quán, huyện Thần-Kê, tỉnh Thái-Bình, có một thôn nọ hằng năm tổ chức cuộc bắt chuột. Cứ đến ngày mùng 9 tháng 9, trai trẻ trong làng đều ra đồng săn chuột. Các ông lão ngồi ở đình làng mà thâu đuôi. Ai bắt được nhiều chuột thì đem về trình cho các cụ để lãnh thưởng. Giải thưởng nhất là một quan, hai tiền.

Đó cũng là một tục lệ hay của dân tộc mình.



NÚI THỊ - VÃI

NÚI này thuộc về huyện Long - Thành, tỉnh Biên-Hòa.

Tích xưa, họ Lê có người con gái rất kén chồng. Đến khi cha mẹ mất cô mới lấy chồng, nhưng không được bao lâu chồng mang bệnh mà chết. Cô nọ thề không lấy chồng nữa, ngất lối xóm có nhiều kẻ tới lui trêu ghẹo vì cô là người có nhan sắc.

Buồn bực quá, cô cạo đầu trốn lên đỉnh núi này mà cất am để tu thân học đạo.

Vì vậy, dân chúng cảm mến cô, đặt núi này là núi Bà-Vãi, sau này kêu là Thị-Vãi.



VÌ CON GÀ MÀ GIẾT MẸ

NGŨN ngữ ta có câu : « Phường chó săn, gà chọi ». Đó là ám chỉ mấy người lêu lổng không lo chí thú làm ăn, tối ngày mê say việc đá gà, nuôi chó săn.

Đời vua Gia-Long năm thứ mười tám, ở làng Đình - Bảng, phủ Từ - Sơn, tỉnh Bắc-Ninh có một gã trẻ tuổi tên là Đình-Văn-Hào. Tên này nuôi được một con gà rất hay, đá độ nào ăn độ đó.

Nó nói : «Hễ ai đụng tới mạng con gà của nó thì phải chịu chết thể mạng.»

Một hôm nó đi vắng, con gà nòi ra sân ăn lúa. Vợ nó chụp cây sào vụt ra trúng con gà. Chẳng may con gà nọ gãy chết. Người vợ hoảng sợ chạy vô cầu cứu với mẹ chồng. Bà mẹ này quá thương con dâu nên nói : «Không sao đâu con. Chừng nó về, mẹ nhận là mẹ lỡ giết con gà nòi đó.»

Hôm sau, tên Hào trở về. Bà mẹ ruột chạy ra khóc lóc : «Hồi hôm qua, mẹ lỡ vụt cây sào trúng con gà nọ, con tha tội cho mẹ.» Dứt lời, tên Hào chạy vô buồng lấy cây dao bầu ra chém mẹ đứt cổ. Làng xóm thấy vậy xúm lại trói tên Hào, giải lên quan trên xử tử.

Năm đó nhà vua ra lệnh cấm đá gà vì đề phòng việc ấy hại tới luân thường đạo lý.



MA THẦN VÒNG

XÔM nọ có cây đa rất cao, hàng năm đòi ba người tới đó thắt cổ. Dân chúng đồn rằng ở đó có ma thần vòng.

Gần cây đa, có cậu học trò hay chữ tên là Lê-Quy-Chi. Đêm nào cậu cũng thắp đèn học suốt đêm. Gần nhà cậu, có người đàn bà còn trẻ, đêm nào cũng thức 'dệt cử.

Phen đó, cậu học trò nghe tiếng sột soạt ngoài cửa. Mở cửa ra thấy trăng sáng mờ ; chừng cuối canh hai. Thắp thoáng kia, một người đàn bà cầm sợi dây dài chừng ba bốn thước tây. Mụ này đi tới đi lui, dấu sợi dây nơi này rồi đem lại nơi kia quanh quẩn. Chập sau, dứt dưới đồng rơm rại biến mất.

Cậu học trò lập tức lấy đèn ra soi, đem sợi dây nọ vô nhà. Nó bốc mùi tanh hôi. Cậu đoán chắc đó là sợi dây bấy lâu nay thất cổ người ta, bèn giấu lên án thư, dẫn cuốn sách che lại.

Chập sau, người đàn bà láng giềng không dệt vải nữa, bỗng đứng dậy than khóc. Mụ già (con ma thất cổ) bước tới lay người dệt vải nọ. Người dệt vải bèn cười rú lên, cởi dây thắt lưng ra. Con ma lập tức chạy ra đồng rơm tìm sợi dây ban nãy nhưng không gặp.

Cậu học trò yên chí rằng sợi dây đã bị giấu trong này, nhứt định người dệt vải kia không thể nào bị phép con ma mà tự tử được. Một lát, nghe tiếng ma gõ cửa. Cậu học trò la lớn :

— Tao là học trò. Mày là đàn bà. Tại sao dám phá rối tao ! Giỏi thì vô đây nói chuyện.

Bấy Giờ con ma nọ bước vào và nói :

— Khi nãy tôi làm mất sợi dây. Chắc là cậu giấu. Xin cậu trả lại cho tôi.

— Nhất định tao không trả. Mày làm gì tao ?

Con ma nói :

— Cậu đừng trách tôi nghe !

Rồi xõa tóc xuống phủ lưng quần, le lưởi ra dài hơn một thước, mặt đỏ như máu. Chập sau, con ma rúc lưởi vô, vắn tóc lại gọn gàng, hóa ra một cô gái vô cùng lịch sự. Cậu học trò vẫn thản nhiên ngồi đọc sách. Rốt cuộc, con ma khóc lóc năn nỉ :

— Nếu cậu không trả cho tôi sợi dây nọ, làm sao tôi đầu thai kiếp khác được ?

Cậu học trò đáp :

— Mày giết người khác để mày sống lại. Tao không nỡ giết người khác ?

Con ma nói :

— Đó là luật của âm ti .

Cậu học trò nói :

Luật đó vô ích quá. Để tao viết cái sớ cho tòa âm ti hủy bỏ khoản đó.

Rồi viết sớ, giao cho con ma. Con ma xin cậu nọ đốt sớ thì mang đi mới được. Nó mừng, lạy cậu học trò.

Từ đó về sau, con ma thần vòng không còn và cây da nọ không còn ai tới thất cổ.



CON ONG VỚI CON TU HÚ

CON Ong nọ đậu trong ổ lo gầy mặt. Bỗng đâu có con Tu Hú bay tới kêu lên: « Tu hú ! Tu hú ! »

Con Ong bèn quở trách :

— Mày kỳ quá ! Tối ngày kêu tu hú, tu hú hoài ! Không kêu tiếng gì lạ hơn. Nhảm tai tao quá !

Con tu hú đậu lại mà trả lời :

— Mày trách tao kêu nghe nhảm tai. Vậy chờ mày suốt đời cứ hút nhụy làm mặt, công chuyện đó cũng nhảm vậy.

Con ong nói :

— Làm việc ích lợi mà làm một thứ hoài thì không sao. Còn mầy kêu cho vui mà kêu một giọng hoài, riết rồi không vui. Vô ích quá !



NGƯỜI CHẾT TRẢ NỢ CŨ

XÓM nợ, có ông Lý Trước-Minh tánh tình rộng rãi, hay thương xót kẻ bần hàn. Có tên nợ nghèo đói quá, không biết nghề nghiệp gì cho rành. Thương tình ông Lý Trước-Minh cho mượn gạo tiền, ngày này qua ngày khác.

Một bữa, tên nợ tới lạy ông mà nói :

— Đời tôi mang ơn ông nhiều quá rồi. Nay nhờ ông một lần chút. Xin ông cho tôi vay một tạ đậu xanh để làm vốn. Sau này tôi hứa sẽ trả đủ.

Ông Lý Trước-Minh đồng ý. Hơn một năm tên nợ đi đâu mất. Năm đó ông qua chùa đọc sách; giữa trưa nằm chiêm bao, thấy tên đó hiện về nói rằng : «Bấy lâu nay tôi thiếu nợ ông một tạ đậu xanh, bây giờ tôi phải trả lại».

Ông Lý Trước-Minh nói :

— Chú thiếu của tôi nhiều quá rồi. Hơi dẫu mà trả cho đủ. Mấy năm nay chủ đi đâu ? Tôi miễn nợ cho chủ.

Tên nợ lộ về âu sầu, rồi biến mất.

Hôm sau người nhà tới báo cho ông hay rằng đêm vừa qua con lừa cái đã đẻ một con lừa đực nhỏ, mập mập lắm. Ông Lý Trước-Minh sanh nghi, đoán chừng tên nợ dẫu thai để trả ơn mình.

Về nhà, ông thử kêu con lừa con bằng tên của kẻ thiếu nợ. Con lừa lại ngoan ngoãn chạy lại. Lớn lên, con lừa cưỡi đi đâu chơi cũng được thiên hạ trầm trồ dòm mua, nhưng ông không kịp làm giá vì luôn luôn có người nhà đến kêu ông về. Năm sau, lừa nợ bị con ngựa của ông cắn gãy ống chân. Có ông thầy thuốc trâu tới xin trị bệnh.

Thầy thuốc nói :

— Chừng con lừa mạnh, bán được bao nhiêu tiền, tôi chia đôi với ông chịu không ?

Ít tháng sau, lừa nợ mạnh đem bán được một ngàn tám trăm. Chia ra phân nửa tiền, ông Lý Trước-Minh đem về, sức nhớ thì rõ đúng giá một tạ đậu xanh của anh nghèo vay lúc trước.



CỌP THỎI CÒI SỪNG TRÂU

MỖI khi cọp tới phá rẫy, người ta thối còi để đuổi. Tại sao cọp sợ tiếng còi sừng trâu? Tích xưa như vầy :

«Anh nọ giữ rẫy khoai, hằng đêm đốt lửa nướng vài củ khoai lang để ăn mà giải buồn. Gần chòi anh, có con cọp nọ tới lui rình. Cọp ta bắt chước, móc khoai lên, thổi lửa nướng khoai như anh nọ.

Anh nọ giận lắm vì mỗi khi cọp đến, anh phải leo lên chòi cao mà trốn. Hôm sau, anh bày ra một kế : mua dầu chai đem về rưới mấy bó rơm chung quanh bếp lửa. Gần đó anh đặt hai bó củi, trong bó củi có hai cây pháo tre thật to.

Cọp ăn quen lại ngồi trên bó rơm. Dính dầu chai, dính rơm vô lông, cọp ngơ ngác không hiểu chuyện gì bèn đem hai bó củi nọ thả vô bếp lửa. Ý của cọp là đốt lên cho sáng để coi rõ. Dè dáu khi củi ngùn, hai cây pháo tre nổ lên, rơm và dầu chai phức cháy khiến cọp phải hoảng chạy. Lửa bốc phừng phừng thiêu rụi lông, râu, làm phỏng da. Đồ quạu, hôm sau cọp trở lại ngồi sát chòi, chờ dịp trả thù.

Ngồi trên chòi cao, anh nọ vô cùng sợ hãi, bèn ném xuống dao, mác, hũ, chén... Cọp không sợ,

trái lại hả miệng thật lớn như chờ anh té xuống mà nhai xương. Sau rớt, còn cái còi sừng trâu, anh nọ liệng xuống rớt vô ngay cuống họng cọp nọ... Cọp giựt mình không hiểu vật gì làm nghẹt thở. Cọp hít hơi, hơi gió lọt vô còi kêu lên : «Cò, Cò». Thở mạnh ra, hơi gió kêu lên : «Kề... Kề...» Hoảng sợ, cọp chạy miết về rừng. Càng sợ, hơi thở càng mạnh cho nên dọc đường cọp nghe trong họng mình : «cò kề, cò kề...»

Từ đó về sau, hễ cọp nghe tiếng còi sừng trâu là chạy cong đuôi.



CHÙA THẦY THIẾM Ở NÚI SẬP

Ở TỈNH LONG-XUYỀN có núi Sập. Núi này còn tên khác là Thoại-Sơn. Thoại chính là ông Nguyễn-Hữu-Thoại, một danh tướng đời vua Gia-Long được phong tới tước hầu (Thoại-Ngọc Hầu).

Sau đời ông Thoại-Ngọc Hầu, dân chúng về

núi Sập làm ăn ngày càng đông đúc, lập vườn làm ruộng theo chân núi. Bỗng hôm nọ, hàng xóm tri hô lên: «Thằng ăn trộm dừa kia! Bắt nó lại». Tội nhờn chừng sáu mươi tuổi, ăn mặc nâu sồng hết lời nài nỉ: «Tôi ở trên núi. Mùa này thiếu nước uống. Vì vậy, xuống đây hái dừa uống cho đỡ khát».

Xem tướng mạo hiền lành của ông, người chủ vườn bằng lòng tha tội. Ông đạo nói:

— Bà con có lòng tốt thương tôi, tôi không biết làm sao đền đáp lại. Vậy từ rày về sau tôi sẵn sàng xem mạch hốt thuốc dùm.

Ông đạo rất giỏi về khoa trị bệnh con nít. Ông xé một chút lai áo, một miếng chéo khăn của ông, khuyên đem về làm bùa đeo hoặc đốt hòa với nước cho đứa bé uống. Thật là công hiệu như thần. Phen đó có người mắc chứng bệnh điên. Ông lấy dao chặt bệnh nhờn ra làm hai khúc đem thả xuống sông. Hai khúc mình lần ráp lại, trôi ngược dòng nước. Rồi người nọ hết bệnh. Tin ấy đồn lan rộng, thấu tai một vị quan đại thần. Ông quan này đem đứa con bệnh nặng cho thầy trị dùm. Thầy nói:

— Bệnh ngặt lắm, thượng động Cổ hỉ. Nếu đứa nhỏ lành bệnh tôi phải chết thể nó. Bằng như nó chết, tôi còn sống được ít lâu. Để tôi đi thiếp hỏi linh trên xem thể nào.

Thầy nằm xuống, nhắm mắt ngủ rồi chết luôn. Dân làng làm lễ thiêu xác thầy, thấy còn sót lại một lóng tay y nguyên, không cháy. Nghĩ rằng hồi nào tới giờ, thầy làm toàn việc thiện không ăn tiền của ai nên dân làng xây một cái tháp trong đó để tro của ông thầy và lóng tay nọ.

Hằng năm, ngày mừng năm tháng năm có lễ rất lớn để nhớ ơn thầy.

Thầy tên thật là Sanh. Vì có tiếng đồn rằng vợ thầy là một vị nữ thần đã từng giúp thầy trị bệnh nên dân chúng gọi là Thầy Thiểm (Thiểm vợ của Thầy). Vị nữ thần này không ai gặp mặt được.

Người ta thuật lại : Thầy Thiểm có một cái cốt ông tướng nhỏ bằng ngón tay cái. Ông tướng này linh lắm. Xóm riêng ai có đặt rượu phải cho thầy hay. Bằng không, ông tướng này uống lén, rượu sẽ lạt mùi như nước lạnh.



THƯƠNG NƯỚC THƯƠNG DÂN

CỤ PHAN-THANH-GIẢN là quan Kinh-lược ba tỉnh phía Tây (An-Giang, Hà-Tiên, Long-

Hồ). Làm quan lớn có địa vị quyền thế, vậy mà cụ sống cuộc đời thanh đạm, bình dân.

Khi cha qua đời, cụ Phan bưng từ món ăn dâng cúng và đích thân làm cỗ, gánh đất đắp mộ để báo hiếu.

Sản nghiệp của cụ không có gì cả. Phu nhưn thì đích thân cấy lúa, trồng bông vải. Nhà thờ tổ tiên thì phen tre, cột dựng bằng cây mấm.

Năm đó, cụ về chịu tang cha, đi bằng ghe nhỏ như thường dân. Qua sông Bà - Lai, viên cai đồn kêu xét gắt gao : đích thân cụ lên trình¹ và năn nỉ. Sau cụ đòi viên cai đồn tới đình. Anh nọ hoảng sợ, xin cụ tha tội vô lễ hôm trước.

Cụ đáp : «Đó là người làm đúng phận sự. Ta khen ngợi». Rồi thăng anh nọ lên chức chánh đội, thưởng một trăm quan tiền.

Ngày nọ cụ đi thăm mộ. Có tên Cang đi phía trước vác cây tre chưa trảy nhánh. Chừng qua khúc quẹo, ngọn tre quơ đụng nhằm cụ làm trảy da rách áo.

Cụ nói :

— Chú kia ! Hạ cây tre xuống lập tức. Đưa cây mác cho ta !

Tên Cang hoảng sợ, e bị trừng phạt nặng nề.
Dè dàu, cựa cựa mồm, trầy nhánh tre cho sạch
rồi nói :

— Như vậy có gọn hơn không ? Vác về nhà
đi. Từ rày về sau phải có ý có tứ, kẻ thiệt hại
đến người đi đường.

Bình sinh, cựa rất thích bông quỳ. Theo cựa, vì
bông quỳ có sắc tự nhiên, lòng dạ ngay thẳng nên
nó dám nhìn vào mặt trời mà không e thẹn với
lương tâm mình.

Năm 1867, quân Pháp kéo đến Vĩnh - Long.
Thừa lúc Cựa còn đang thương thuyết trên chiến
hạm, bọn giặc đồ bộ chiếm thành. Cựa Phan nhin
đôi mươi bảy ngày nhưng không chết. Sau rút cựa
bưng chén thuốc độc mà uống.

Năm đó cựa được bảy mươi một tuổi.



LỘC - GIÁC CHƠN - CHƠN

SÁCH Hội Chân-Biên chép lại :
Ở tỉnh Cao-Bằng, có anh tiền phu rất hiền

hậu mà cũng rất nghèo nàn. Anh còn bà mẹ tuổi đã cao. Một hôm, mẹ tỏ ý thèm sữa nai.

Làm sao tìm được bây giờ ? Vào rừng, hề gặp anh là nai chạy trốn mất. Anh bèn đứng trên non cao mà khóc.

Bỗng nhiên, hiện ra một ông lão quắc thước. Ông lão nói với anh :

— Muốn tìm được sữa nai thì phải mang lột da nai này vào mình.

Nói xong, ông lão trao cho anh miếng da nai. Nhờ vậy, anh đến gần bầy nai dễ dàng, vắt sữa rất nhiều về cho mẹ uống.

Vài hôm sau, ông lão nọ đến tìm anh, có ý muốn thu nhận anh làm đệ tử.

Anh không nói điều ấy cho một ai được biết, ngày đêm cứ lo học đạo Tiên.

Sau khi mẹ mất, anh đi lên núi biệt tích luôn.

Năm đó, đưa con trai của anh lên non hái củi tình cờ gặp con nai to lớn. Nai ấy lại gần mà nói với nó :

— Cha bây giờ tu Tiên đắc đạo hóa ra Nai, không hoàn cốt người được nữa. Cha cho con nguyên bộ sừng này. Con lấy dây buộc nó lại rồi kéo theo sau. Đi tới nơi nào mà sừng bị vướng

không kéo nữa được, con dừng chân tại đó, khai phá lập nghiệp thì ắt được sung túc hiển vinh.

Dứt lời con Nai lớn nọ húc đầu vào gốc cây, ghim sừng bỏ lại, rồi biến mất.

Đứa con thi hành đúng lời cha. Nhờ vậy mà trở nên giàu có.



THAM THÌ THÂM

HỒI XƯA, có đứa bé chăn trâu nọ không ai nhớ tên gì, chỉ biết tánh tình nó hiền hậu.

Từ sáng tới chiều, nó dãi nắng dầm mưa để chăn trâu. Vậy mà khi về tới nhà là nó bị mẹ ghê và mấy đứa em một cha khác mẹ xúm lại rầy la.

Trưa hôm nọ, đói bụng quá, nó lên đến lùm chuối gần năm mồ hoang nọ. Thấy mấy trái chuối chín bói, nó thò tay bẻ. Vừa lúc ấy, một con quỷ dạ xoa hiện ra hét lớn :

— Nghèo đói thì rán chịu. Đừng ăn cắp. Phèn này tao tha tội cho. Đừng tái phạm.

Nó chạy trốn. Rồi ngồi xuống bờ ruộng than thở số phận với Trời :

— Thiên hạ giàu, phận tôi sao nghèo quá vậy ông ? Ông hóa phép tạo vạn vật muôn loài. Sao ông không hóa phép giúp tôi chút ít tiền bạc để sống qua ngày ?

Bỗng nhiên nó thấy một tia nắng nhều xuống giữa bãi cỏ, vàng lờm. Chạy lại coi thì rõ ràng một đồng tiền vàng. Nó mừng quá, định ra chợ mua quần áo mới.

Độc đường, gặp bà lão đói rách đứng ngửa tay xin. Suy nghĩ hồi lâu, nó cho bà đồng tiền nọ rồi trở về nằm ngủ trên bãi cỏ. Bụng đói áo rách nhưng nó vui với việc thiện khi nãy.

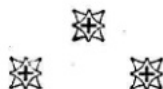
Bỗng nhiên, nó nghe đôi trâu vừa lội vừa giầy giụa dùng dùng dưới ao. Coi lại thì ô hô ! Giống như cảnh chiêm bao. Mặt nước vàng lờm, nắng chói xuống đỏ ối như sắp đọng lại. Nó đuổi đôi trâu lên bờ. Ngạc nhiên làm sao ! Mỗi sợi lông trâu có dính theo tòn ten một đồng tiền vàng. Nó gỡ ra một hai đồng, còn dư lại bao nhiêu thì giấu lại dưới đáy ao.

Nhờ vậy, nó trở nên mập mập vì đủ cơm đủ áo hơn trước. Hết tiền thì xuống ao mò lên vài đồng. Bà mẹ ghê và mấy đứa em ghê của nó lần hồi sanh nghi, thay phiên nhau rình rập. Chừng

biết vàng nọ ở đáy ao, họ sắm một miếng chài thật lớn chờ đêm đến là xúm ra kéo trộm hết vàng dưới ao lên.

Họ vãi chài xuống, kéo thử thấy quá nặng. Họ mừng rỡ, hi hà hi hục suốt đêm chừng hừng đông mới đem chài lên được. Dòm lại thì hỏi ôi, toàn là bùn sinh dơ dáy.

Trời nào có giúp kẻ gian ác, phụ kẻ hiền lương bao giờ ?



BÀ KIÊM - GIAO

PHÙ - QUỐC là hòn đảo lớn nhất trong vịnh Xiêm-La, hình dáng giống như con cá hóa long, đầu ở phía Bắc, đuôi ở phía Nam.

Tục truyền hồi xưa có ông chúa người Cao-Miền ra đó lập nghiệp. Ông này tên là ông vua Lối. Về sau, mùa màng thất bát, vua Lối bỏ đảo, trở về đất Cao-Miền.

Sau đó, có một bà già người Việt-Nam tên là Kiêm-Giao ra lập nghiệp. Bà chiêu mộ chừng

một trăm dân gồm người Việt và người Miên. Bước đầu là khai phá vùng Cửa Cạn. Thấy đất phì nhiêu, bà cho người vô trong đất liền mua đem ra năm chục con trâu. Nhờ vậy, mùa màng càng thêm thịnh vượng.

Năm đó bà Kiêm-Giao được bảy mươi tuổi. Nhuốm bệnh nặng, bà gọi gia nhơn lại mà trối:

— Khi ta chết, bao nhiêu ruộng đất này sẽ đem ra chia đồng đều cho các người vì ta không có con kế tự. Ta chỉ ao ước điều này thôi: Làm sao các người cũng phải thả bầy trâu này cho chúng nó được thanh thoi. Nếu còn trói cầm nó, vong hồn ta ắt bị tội nặng dưới Diêm-dinh.

Sau khi bà nhắm mắt, bầy trâu nọ được thả ra chạy tứ tán trong rừng. Vì vậy bây giờ ở Phú-Quốc trâu rừng rất nhiều. Nơi chuồng trâu cũ của bà Kiêm-Giao còn di tích một cây cột bằng trai. Cột ấy cao chừng một thước rưỡi, cây trở nên cứng như đá.



CÂY KỲ NAM

Ở tỉnh Khánh-Hòa, có nàng nọ giỏi về phép thần thông. Nàng ngao du qua đến bên Tàu. Nhan sắc lộng lẫy đó khiến Thái-tử Tàu để ý, cưới nàng làm vợ, sanh hai đứa con trai mặt mũi khôi ngô.

Lần hồi, thái tử Tàu say mê một nàng khác ở tỉnh Phước-Kiến mà lãng quên người vợ Việt-Nam này. Nàng thua buồn định trốn về nước.

Thuở đó bên Tàu có cây Kỳ-Nam rất quý, dùng làm vị thuốc hoặc tiện ra hột chuỗi cho các quan đại thần đeo. Sức nhớ bên nước nhà không có giống Kỳ-Nam, nàng quyết tâm thâm về tổ quốc nguồn lợi quan trọng đó. Bữa kia, nàng bẻ một nhánh Kỳ-Nam, đọc thần chú rồi thả nhánh nọ xuống biển. Rồi mẹ con ngồi lên nhánh đó, gió xuôi đưa trở về Khánh-Hòa, tấp ngay cửa Bé. Nàng rút nhánh Kỳ-Nam ném tung khắp hướng trên núi. Nhờ phép linh của nàng, cây Kỳ-Nam mọc đều khắp trên núi, giống như loại tràm gởi, mùi thơm bay nức.

Hòn núi đó bây giờ tên là Hương-Sơn, có thờ Kỳ-Nam tốt nhất.

Nói về Thái-tử nọ, khi hay tin vợ trốn về Việt-Nam thì hoảng sợ, sợ nhất là bà vợ nọ tóm

thâu tất cả cây Kỳ-Nam bên Tàu. Chàng ra lệnh đóng chiếc thuyền, trương buồm qua Khánh-Hòa. Nàng hay được bèn bày ra một kế: Thừa lúc đang vui vầy ăn tiệc, nàng niệm thần chú khiến tảng đá lớn trên núi lặn xuống nhận chìm ghe của chàng. Chàng không còn phương thế nào về Tàu được nữa đành ở lại với vợ con.

Bây giờ, tại cửa Bé, tỉnh Khánh-Hòa còn thấy dạng hai tảng đá lớn chắt chồng. Tảng dưới giống hình lái ghe, tảng trên giống hình hòn đá nhận chìm ghe.

Không bao lâu, vợ chồng đều chết. Dân chúng nhớ ơn nàng đem giống cây Kỳ-Nam về nước nên lập miếu thờ.

Rất tiếc là hai đứa con trai của nàng lớn lên tánh tình quá đồi hung hăng nổi danh là cậu Chài, cậu Quý phá xóm phá làng, làm mất thanh danh của người mẹ yêu nước.



NHƠN TÀI CỦA LÀNG ÔNG VẦN

LÀNG ÔNG VẦN quận Chợ Gạo tỉnh Mỹ-Tho có cụ đồ nho tên Mới, thứ Sáu, vì vậy dân làng gọi là ông Sáu Mới.

Ông rất giỏi về khoa đặt thơ và câu đối hài hước.

Sau đây là bài thơ của ông vịnh bàn thờ Tài-Thần :

*Đ. h. thần tài thiệt quá ngu.
 Người sao nhóc túi kẻ trơn lu.
 Văng hoe ruột ngựa, kia quân tử !
 Đầy dẫy rương xe, nọ thất phu.
 Nhà có, lại thêm vàng với bạc,
 Nước nghèo, không giúp điều cùng xu
 Hèn chi trót kiếp lòn tròn ghế,
 Không ló mặt ra với địa cầu.*

Lúc trong nước có phong trào Duy-Tân, ông giúp cụ Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề mười sáu ngàn đồng để xung vào việc nghĩa. Ghét mấy kẻ khác có của mà hà tiện, ông bèn vẽ lên vách một con rít lớn, chung quanh nào là diều, quạ, chim mèo... xúm lại rĩa thây. Bên bức tranh có câu thơ :

*Con rít núi !
 Coi này con rít núi !
 Bơ bơ giữ cho mình
 Bị chim dữ nuốt trụi.*

Tết năm 1926, ông không đốt pháo dựng nêu chi hết, chỉ viết vắn vện hai đôi liên ngạo đời.

Đôi thứ nhứt :

*Trái đất nhấm tròn vo, sợ nổi dựng nên lăn
trốc gốc.*

*Lòng trời xem thấy chúng, chỉnh e đốt pháo
xịt phòng da.*

Đôi thứ nhì :

*Thịt vô hạn béo, bánh vô hạn dẻo, xuân sắc
thập phần vô hạn nhẽo.*

*Nêu bất thăng cao, pháo bất thăng kêu, giang
san thiên lý bất thăng tiều.*

Ý của ông Sáu Mới là công kích ngầm sự cai trị áp chế của thực dân Pháp : Dầu cho ngày Tết có thịt ngon, bánh ngọt, nêu cao, pháo nổ nhưng giang san này vẫn buồn hiu.

Lòng yêu nước, tài văn chương của ông thật xứng đáng lưu truyền hậu thế.



BA TƯỢNG PHẬT SỐNG

NĂM đc, Chúa Nguyễn-Ánh bị Tây - Sơn truy nã nên phải bỏ thành Gia-Định mà chạy bộ về phía làng Tân-Sơn Nhi.

Trời vừa tối, Chúa Nguyễn đến một kiềng chùa. Quá mệt mỏi, phần thì quân Tây-Sơn đang rượt phía sau, Chúa Nguyễn cùng hai vị quan bộ vệ đánh vào chùa mà trốn. Trong chùa, lúc ấy có ông sư già đang tụng kinh. Sau khi nghe Chúa Nguyễn bày tỏ sự thật, sư cụ nói :

— Xin các vị vào phía sau thay xiêm đồi áo, y theo lời bản tăng, phải làm như vậy...

Chập sau, quân Tây-Sơn kéo tới, xúm bao vây ông sư nọ mà hỏi :

— Nguyễn - Ánh đâu rồi ? Nói mau ! Bằng không ta chém đầu.

Sư cụ nói :

— Mô phật. Xin các ông cứ lục xét chùa. Nếu có, bản tăng cam chịu tội.

Viên chỉ huy bèn đem cây đèn trên bàn Phật xuống mà rọi từ trong ra ngoài. Bỗng nhiên hắt dóm xuống bàn Phật mà la lớn :

— Ba đưa nào đây ? Quán dẫu ? Mau chém nó.

Chừng xét kỹ lại, rõ ràng là ba cốt Phật. Hỏi sao không để trên bệ, sư cụ trả lời đó là mấy cốt Phật của chùa ở làng kế bên đem gởi, chùa ấy vừa bị sập, chùa bên này không có chỗ trống nên tạm để dưới đất.

Nghe hữu lý, quân Tây-Sơn rút lui.

Sau đó, chúa Nguyễn-Ánh cùng hai vị quan hộ vệ nọ từ trên bàn Phật bước xuống, vô cùng mừng rỡ, khen ngợi sư cụ. Số là khi nấy sư cụ có sáng kiến khiêng tượng Phật xuống đất. Thay vào đó, ba người tị nạn khoác áo cà sa leo lên bệ ngồi chấp tay không nhúc nhích giả như tượng thiết. Quân Tây-Sơn nào có dè !



CỤ ĐỒ - CHIẾU GIẢ ĐIẾC

CỤ ĐỒ - CHIẾU là một bậc sĩ phu làm rạng danh cho nước Việt-Nam ta.

Năm hai mươi sáu tuổi, cụ ra ngoài Huế để thi Hội. Dọc đường hay tin mẹ từ trần, cụ trở về thọ tang, than khóc đến mù cả mắt.

Năm 1861, Pháp chiếm miền Đông Nam-Kỳ, dẫu bình tật, cụ vẫn hăng hái sung vào bộ tham mưu của nghĩa quân, bàn cơ mưu giết giặc với ông Đốc-binh Là, ông Trương-Công-Định.

Sau đó, cụ về Bến-Tre dạy học, soạn sách.

Quan chánh tham-biện người Pháp ở tỉnh Bến-Tre rất hâm mộ tài năng của cụ, đích thân đến tận nhà thăm viếng. Nhưng mỗi khi viên thông ngôn dịch lại, cụ giả dờ không nghe như người điếc.

Lần đầu, quan tham biện vào cho cụ hay rằng : «Điền đất của cụ ở Gia-Định nay đã tra xét rồi, nhà nước mời cụ ra nhận».

Cụ nói : «Tôi không dám nhận. Nước đã mất. Của riêng của tôi làm sao còn được».

Lần thứ nhì, quan tham biện ngờ ý muốn cấp cho cụ một số tiền dưỡng lão. Cụ từ chối.

Lần thứ ba, quan tham-biện đến nhờ cụ sửa lại bộ thơ Lục-Vân-Tiên mà quan đã sao lục để cho đúng bản chánh. Cụ nhận lời.

Tục truyền rằng : Bình sinh không bao giờ cụ dùng xà bông, chỉ giặt quần áo bằng nước tro. Hỏi sao cụ mặc toàn đồ trắng, cụ nói :

— Tôi để tang cho đất nước.



ÔNG TĂNG CHỦ NUÔI CỌP BẠCH

VÙNG Bảy Núi xưa kia cọp rất đông. Ông Tăng Chủ đến đó lập trại ruộng.

Một hôm về trại, ông gặp con cọp bạch đứng chực sẵn ngoài cửa. Nhìn kỹ, rõ ràng cọp nọ đau nặng, mình mẩy ốm nhom. Cọp há miệng ra, ngược mặt lên như cầu khẩn. Ông Tăng Chủ hỏi :

— Làm gì mà bạch hổ ngồi đây ? Ồ... Chắc là mắc xương hả ?

Cọp gật đầu. Ông bảo cọp nọ cúi đầu xuống rồi ông vung tay đâm xuống ngay sau cổ nó. Cục xương văng ra.

Ông nói :

— Từ rày về sau bạch hổ đừng tham ăn nữa, nghe không !

Vài hôm sau, bạch hổ cũng lại một con heo để dền ơn.

Lần nọ, bên núi Bà Đội Om có con hạm rất dữ. Ông Tăng Chủ gọi bạch hổ đến để cùng với ông đi đánh hạm. Hạm phải té xuống hố mà chết.

Về sau, dân chúng nhớ ơn nên cất miếu thờ bạch hổ và xây mộ cho ông Tăng Chủ ở gần chùa Thới-Sơn.



TÍCH BÀ ĐEN Ở NÚI TÂY-NINH

NGÀY xưa, núi Bà Đen gọi là núi Một. Trên đó, có tượng Phật đá rất linh thiêng. Người Việt-Nam, Cao-Miên, Chăm... xúm nhau dọn đường để lên cúng Phật. Họ phải đi từng đoàn vì dọc đường cọp beo rất nhiều.

Lý-Thị Thiên-Hương là cô gái văn hay, võ giỏi gốc ở Trảng-Bàng, Thuở nhỏ, nước da của cô đen đúa nhưng lớn lên trở nên xinh đẹp.

Mỗi ngày rằm, cô lên núi lạy Phật. Trong làng có chàng thanh niên tên Lê-Sĩ-Triệt đem lòng yêu mến cô.

Một hôm, vị quan Cao - Miên nọ toan dùng võ lực bắt sống cô đem về làm thiếp. Quan ta bèn ra lệnh cho tên thầy võ thi hành. Lúc cô Lý - Thị Thiên - Hương bị tên võ phu nọ đánh bại, bỗng nhiên Lê - Sĩ - Triệt xông ra cứu được. Về nhà, cô thuật lại cho cha mẹ hay. Cha mẹ cô đồng ý cho làm lễ thành hôn. Nhưng lúc ấy nhằm lúc Võ-Tánh chiêu binh giúp vua Gia-Long đánh Tây-Sơn, Lê Sĩ-Triệt lập tức tòng quân.

Cô Tiên-Hương chờ ngày Lê-Sĩ-Triệt trở về ca khúc khải hoàn. Rủi thay hôm nọ, lúc đang cầu khẩn trên núi, bọn cướp Miên đến bao vây. Nàng phải chạy vào rừng mất tích luôn.

Qua đời Minh-Mạng, có vị Hòa thượng trụ-tri trên núi Tây-Ninh. Một hôm đang niệm Phật, sư cụ thấy một nàng nọ, mặt đen nhưng xinh đẹp hiện ra nói văng vẳng :

— Ta đây là Lý-Thị Thiên-Hương khi mười tám tuổi bị bọn cướp rượt nên té xuống hố mà chết. Nay ta đắc quả rồi. Hòa thượng nên xuống triều núi phía Đông Nam tìm thi hài ta mà chôn cất dùm...

Đúng như lời, Hòa thượng gặp xác của cô, đem chôn cất. Vì tiếng đồn, vài người Cao-Miên đến

coi dám ma nọ nhưng vừa tới là họ học máu ngã ra chết.

Quan Thượng Quốc-công Lê-Văn-Duyệt bèn lên núi để biết hư thực. Ngài hứa dâng sớ về triều để truy phong cô Thiên-Hương nếu cô làm thế nào cho ngài thấy tận mắt sự hiển hách. Dứt lời cô Thiên-Hương bèn nhập vào xác một đứa con gái mà nói :

— Hồn của thượng quan nay mai được chức Thần-kỳ linh hiển nhưng xác của Thượng quan phải bị hành hạ.

Quan Thượng Quốc-công Lê-Văn-Duyệt nói :

— Bồn chức không cầu xin biết tương lai của mình. Bồn chức muốn biết rõ căn do của nạng.

Xác nọ bèn rơi nước mắt thuật lại việc chết oan của mình và nhắc lại duyên tiền định với Lê-Sĩ-Triệt. Theo lời thuật lại thì sau khi thành Bình-Định thất thủ, Lê-Sĩ-Triệt tử tiết theo Võ-Tánh, đã được phong chức Thần tướng coi sóc hai tỉnh Khánh-Hòa, Bình-Thuận. Vì muốn được trường sanh bất tử nên hai đảng không chung gối chăn với nhau.

Nhờ vậy nạng được phép xuống cõi trần để cứu dân độ thế.

Dứt lời, cô gái nọ nhào ngựa, bất tỉnh nhân sự, hồi lâu mới tỉnh.

Quan Thượng Quốc công bèn thay mặt nhà vua mà phong Lý Thị Thiên-Hương chức vị «Linh Sơn Thánh - Mẫu» ngự ở núi Một, tức là núi Bà bây giờ.



CON GIÁN CON NHÈN NHỆN

THEO tục lệ ngày xưa, con gián và con nhên-nhện là hai loài đem điếm làm ăn khá giả cho nhà cửa. Bởi vậy không ai đuổi chúng nó.

Thuở ấy, con gián hát rằng :

— *Răng chừ cho chúa tao giàu,
Đề tao ăn mỡ ăn dầu ban đêm !*

Con nhên-nhện cũng chúc điều may mắn :

— *Răng chừ cho chúa tao sang,
Đề tao mắc cửi tao giăng cả nhà !*

CON VẠC ĂN ĐÊM

THUỞ xưa chim đa đa, con cò, con vạc và con chim rù rì sống thân thiết với nhau. Hễ gặp cá, tép, nhái... chúng chia mỗi đồng đều.

Về sau, mấy con chim trên đây sanh tật cờ bạc, chỉ có con cò là thẳng cuộc. Vì vậy chúng phải làm giấy thiếu nợ của con cò ; có con chuột làm biện thảo văn tự.

Dè dáu con chuột thông đồng với con cò để gian giảo.

Vạc thua có một vác nhưng chuột ghi là chín chục vác (một giắc bằng sáu quan).

Chuột lại còn ghi rằng : Chim rù rì cầm tất cả đất đai.

Đúng ngày không sao trả hết số nợ, tất cả tài sản của con nợ đều bị tịch thu. Con cò nhờ vậy làm giàu. Vạc tức giận, hằng đêm lén đi ăn cắp cá tôm trên đất của cò. Vạc kêu :

Vạc ! Vạc ! Thua một vác.

Thua một vác !

Chim rù rì cũng tức mình than thở :

Đông tây tứ chí bán hết !

Mần như ri cực, cực.

Mần như ri cũng cực.

Đi mô cũng cực.

Đi mô cũng cực.

Chim đa đa nhớ món ăn cũ :

Tiệc rồ tép, đa đa !

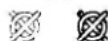
Tiệc rồ tép, đa đa !

Vì làm tờ văn tự gian giảo dùm cho cò nên con chuột vô cùng hối hận. Ngày đêm chuột chui rút vào bụi rậm, xuống hang, sợ mấy con chim mắt của kia trả thù. Nó thở dài :

Chín chục, chín chục.

Chín chục, chín chục ...

Ý nói chín chục quan nợ là ghi sai lầm thay vì có sáu quan nợ thôi



THƠ THEO VẬN TỪ-THỨ

HỒI QUÂN PHÁP mới xâm chiếm nước ta, ở tỉnh Long-Hồ (Vĩnh - Long) có ông Tôn - Thọ - Tường là người rất giỏi về thi phú.

Dưới triều Tự-Đức, ông làm đến chức huyện. Sau đó ông bị bắt tội đưa về kinh. Được ân xá, ông từ quan. Khi Đề - đốc Thủy - sư Lagrandière cai trị ba tỉnh miền Đông, Tôn - Thọ - Tường ra đầu hàng, làm huyện.

Bị các nho sĩ thời bấy giờ chê bay lá phản quốc, Tôn - Thọ - Tường ví mình như Từ - Thứ qui Tàu trong truyện Tam - Quốc nên làm bài thơ này :

Hiếu dẫu dám sánh kẻ cày voi !

Muối xát lòng ai nấy mặn mòi !

Ở Hòn còn nhiều trang cột cẩu.

Về Tàu chi sá một cây còi .

Thức tình nhớ mẹ không nâng chén.

Chạnh nhớ thương vua biển dỏ roi.

Chẳng dặng khôn Lưu dành đại Ngụy.

Thân này khác thể ngoại vòng thoi .

Bài thơ này biện hộ khéo léo cho hoàn cảnh của Tôn-Thọ-Tường. Văn voi ,mòi, còi, roi, thoi.

thật khó gieo, vậy mà Tôn-Thọ-Tường dùng rất tự nhiên. Các sĩ phu, miền Nam bắt đầu lấy mấy vần đó mà hạn lệ, gọi là Từ-Thứ.

Theo vận Từ-Thứ nói trên, Ông cử Phan-Văn-Trị có làm mấy bài thơ dưới đây :

Thơ hát bội

Đưa bị ghẻ ruồi, đưa lát voi,
 Bao nhiêu xiêm áo cũng trơ mòi.
 Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc,
 Đưa nịnh râu đen mấy sợi còi.
 Trên trính có nhà còn lợp lọng,
 Dưới sân không ngựa lại giờ roi.
 Hèn chi chúng nói bội là bạc,
 Bội mặt đánh nhau củ lại thôi.

Đồn lính mã tà

Quan truyền linh thú tại mô voi :
 Làng nhảm chỗ ni đã phải mòi.
 Sớm đón ghe lên xin quít nủm,
 Chiều ngăn thuyền xuống kiểm dưa còi.
 Tả biên nghiêm chỉnh chiêng cùng trống,
 Hữu dực phó tri giáo vời roi.

*Doạ hằm đàn bà nên quá giỏi,
Nghe hơi ăn cướp chạy đường thôi.*



CÔNG - CHÚA MAI - CHÂU

ĐỜI HỒNG - ĐỨC, vua Lê-Thánh - Tôn sanh được nàng Công chúa xinh đẹp tên là Mai Châu. Năm Công chúa được mười ba tuổi, các bộ lạc mọi ở vùng Ngũ-Quảng (Quảng-Bình, Quảng-Trị, Quảng-Đức, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi) nổi dậy chống người Việt-Nam, không ai dám cử binh chinh phạt. Công chúa Mai-Châu mặc dầu nhỏ tuổi cũng xin phép vua cha ra trận. Vua bèn cho mười chiến thuyền và năm ngàn quân. Thuyền đến bờ Quảng-Bình thì bỗng nhiên sóng to gió lớn nổi lên ầm ầm.

Các binh sĩ đoán là điềm của Long-Thần muốn bắt Công chúa. Công chúa suy nghĩ: « Nếu nàng không nhảy xuống cho Long-Thần ăn thịt thì tất cả mười chiến thuyền này bị đắm » Sau khi trở lại với quân sĩ, nàng nhận sự hy sinh, nhảy xuống biển.

Hay dạng tin ấy, vua Lê-Thánh-Tôn lập tức đến nơi, dùng kiến chiếu yêu mà rọi xuống đáy biển. Khi nhận được sào huyết của Thủy-Long vua hạ lệnh bắn sủng thần công xuống. Ba ngày sau, Long-Thần phải đem xác chết của Công chúa trả lại.

Sau đó, vong hồn của Công chúa Mai-Châu rất nên linh hiển. Đời Minh-Mạng, giặc Phan-Bá-Vanh khuấy rối triều đình. Công chúa báo mộng cho vua hay : « Ngày mười tám tháng ba, vào khoảng canh hai khi thấy trong dinh trại của Phan-Bá-Vanh có đóm lửa xanh nổi lên thì quân triều đình cứ tấn công vào ».

Thi hành đúng lời nàng, vua dẹp được giặc.



HOÀNG - HẬU TÀU Ở VIỆT-NAM

ĐỜI nhà Trần, tại tỉnh Nghệ - An có ông câu rất nghèo. Năm đó ngày mùng một tháng sáu, ông ra vàm rạch bỗng gặp một khúc cây to lớn tấp lên bãi. Ông lên đó mà ngồi, chặt

mời ra từng khúc nhỏ để cầu. Dè đâu khi lưỡi dao chạm vào, cây nọ tươm máu ra, lại có phảng phất mùi thơm tho kỳ diệu.

Ông chạy về báo cho xóm làng hay. Sau khi khẩn vái, hồn khúc cây đập đồng, dân chúng mới biết đó là hồn của bà Hoàng hậu đời tổng bên Tàu và ba đứa con gái. Lúc trước, mấy mẹ con đều bị quân Nguyên soán ngôi, giết chết. Đồng nữ lại nói rằng «Đem Khúc cây bạch đàn này về tiện ra cốt bốn mẹ con tôi mà thờ thì xóm làng được phú hộ, làm ăn sung túc.»

Dân làng thưa : « Nếu bà có linh thì hóa phép thế nào cho khúc cây to nầy lẫn lên bờ. Chúng tôi sẽ tạc tượng mà thờ»

Dứt lời khúc cây nọ tự nhiên lẫn về làng. Đền thờ được dựng lên cùng với tượng bà. Hoàng hậu nọ và ba đứa con.

Sau này, vua Gia - Long ngự giá ra Hà - Nội có đi ngang qua đền thờ nọ. Được biết chuyện ấy vua nói : « Nếu bà có linh thì làm điềm cho biết. »

Hoàng hậu nọ bèn đập đồng lên mà hỏi :

— Vua muốn điềm gì ?

Vua bèn đem ra ba vóc lựa, ra lệnh cho Hoàng hậu cắt may áo lập tức. Chập sau, Hoàng hậu hiện

ra lãnh ba vóc lụa. Trong phút giây, một đũa đồng nam hiện ra dâng ba cái áo đà may xong.

Vua bèn phong sắc thần cho Hoàng-hậu. Về sau có bọn giặc Tàu-Ô toan vào miếu của bà để cướp giựt vàng bạc của thiên hạ cúng. Nhưng chúng phải học máu chết.



XÃ ĐỊNH KIẾN BÀ CỔ

TỈNH BÌNH - THUẬN, có miếu bà cổ rất linh thiêng. Ai đi ngang qua phải cúi đầu ; nếu đi ngựa, phải xuống ngựa, bắt tuần thì học máu.

Ngày nọ Xã Định được lệnh đi hầu quan trên thật gấp. Lúc qua miếu, Xã Định nói : «Tôi có việc quan cần đi gấp. Đêm tắm tối, dừng lại đây e mất thời giờ hoặc bị cọp ăn thịt bất thình lình. Xin bà cảm phiền, hôm nào trở về, tôi tạ tội một heo».

Vài xong, Xã Định giục ngựa chạy qua. Tuy bị học máu nhưng chú ráng sức tiếp tục lộ trình. Bận về, Xã Định biết mình bị bà Cổ quở nên đem một heo lại cúng. — Lạ quá, bệnh tình không thuyên giảm.

Tức mình Xã Định nói :

— Bà giỏi thì vật tôi chết luôn đi. Xuống Âm-phủ, tôi sẽ kiện bà trước mặt Diêm chúa.

Khi hấp hối, Xã Định bảo vợ chôn theo hòm một trăm tờ giấy bạc, mười cây bút lông, năm thẻ mực tàu.

Vài tháng sau, bà Cố đập đồng lên mà nói với dân làng :

— Các người phá miếu của ta đi, đừng cúng kiến nữa.

Hỏi sao vậy thì đồng nữ nói : «Tôi bị thất kiện nên Diêm chúa giáng chức tôi, bây giờ vụ kiện đang giăng co, tôi không rảnh rang về hưởng được».

Dân làng không tin. Đến ngày cúng miếu năm đó, Xã Định đập đồng mà báo tin : «Tôi thắng kiện rồi. Bà cố bị cách chức, đừng cúng nữa vô ích. Bà không về miếu nữa đâu. Không tin hỏi ông Địa sẽ rõ».

Ông Địa lên xác nói đúng lời Xã Định. Từ đó về sau, miếu bị phá. Đi ngang qua không còn ai cúi đầu hoặc xuống ngựa.



MA RỪNG

LÀNG PHAN - LANG. Tỉnh Bình - Thuận có vợ chồng của tên Giáo. Họ không có con, vào rừng hằng hái chêm tre dẫn gỗ, dọn đất làm rẫy.

Hai năm sau, rẫy trúng mùa lắm, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Chồng mới biểu vợ mua gà vịt, rượu, trầu cau để cúng đất đai.

Lễ cúng đã xong xuôi, vợ anh Giáo ra phía sau nhà. Thình lình gặp con voi đón đường, chị vợ hoảng sợ té ngựa, chùng tỉnh dậy thì mất cái quần. Vò nhà thuật lại sự tình thì anh chồng không tin, nghi rằng vợ lén tư tình với ai. Vợ tức giận, thách chồng ra sau hè để tỏ tường sự việc.

Anh chồng bước ra sau nhà. Tức thời một con voi to lớn chạy lại quấn vò mà rút nguyên cái quần. Làng xóm hay được, ngơ ngẩn không hiểu vì sao xảy ra chuyện ấy.

Có ông kỳ lão sống gần trăm tuổi giải bày:

— Đất này xưa kia đầy thú dữ như: cọp, voi, rắn... Khi chết, thú nọ thành tinh. Hồi tôi còn trai trẻ, chuyện xảy ra cũng giống như vậy.

Hỏi :

— Tại sao ông biết! Bằng cơ đâu ?

Ông kỳ lão nói :

— Cứ đào đất lên, ngay chỗ hời này.

Dân làng thi hành y lời, quả nhiên tìm được dưới đất cái quần của chị vợ. Và cái thủ cấp của anh chồng còn tươi máu.



BÀI THƠ CHỢ-QUÁN

QUAN HUYỀN ở Chợ-Quán (Sài-Gòn) hôm nọ nhận được một gói giấy nhỏ. Mở ra thấy một miếng trầu, một mớ tóc, một đồng tiền kẽm, vài cái lông vịt, vài cọng cỏ.

Không hiểu đó là vật gì, ông nhờ cụ đồ nho nọ giải đáp dùm. Cụ đồ bàn rằng :

— Đây là bức thơ của vợ gửi cho chồng. Bà vợ hiện bị giam trong khám, nhớ thương chồng nên tạm dùng mấy món nói trên mà gợi ý thơ. Bài thơ nọ như vậy :

Ở trong Chợ-Quán thêm sâu,
 Cơm ăn không đặn, ăn TRẦU giải khuây,
 Tóc mai sợi vẫn sợi dài,
 Kết duyên không đặn thương hoài ngàn
 năm.

TIỀN tài như phấn thổ,
 Ngon nghĩa tựa thiên kim,
 Kỹ nam khó kiếm anh tìm cũng ra,
 Linh đình VỊT lội giang hà.
 Nói cho tốt lớp bạc đà trong tay.
 Nhiều sương CỎ mới bạc đầu.

Thương anh, em chịu thâm sâu thuở nay.

Quan huyện nghe có lý. Miếng giấy gói có nghĩa là khám đường. Các vật trong gói là đề gợi ý bài thơ. Ông bèn cho người vào khám hỏi thử. Rõ ràng có chị nọ gói thơ ra cho chồng, đề đầu thơ lạc vào tay ông. Ông thương tình bèn thả người đàn bà nọ và rót rượu thưởng tài bài thơ của ông đồ nho.



TRUYỆN NGHĨA HỒ

NĂM TỰ - ĐỨC thứ tư, tại làng Long-Phụng, tổng Hòa-Quới, huyện Kiến-Hòa (nay là Bến-Tre) có gia đình họ Võ nuôi một con cạp con.

Cạp nọ lớn lên được gia đình thương mến xem như con ruột. Ông Tú tài họ Võ dạy hai đứa con của mình (một trai, một gái) kêu cạp nọ bằng anh Hai.

Vài năm sau, ông được lệnh ra Huế lãnh chức vụ mới. Trước khi đi, ông kêu cạp nọ mà căn dặn rằng ở nhà nuôi mẹ nuôi em.

Chứng ông đi được vài ngày, cạp nọ bỗng đứng lại bàn thờ quỳ xuống, lạy hết. Người mẹ an ủi cạp. Cạp bèn ra dấu tỏ ý muốn xin phép ra đi rồi trở về.

Bà Tú tài họ Võ cho phép. Cạp mừng rỡ chạy mất.

Bữa đó, ông Tú tài nằm trên sàng trên đường về Huế, thỉnh linh gặp con cạp đón đường. Nhìn lại, rõ là cạp ở nhà chạy theo ! Ông biểu cạp trở về. Cạp khóc lóc, sau cùng đem dâng cho ông Tú tài một hoàn thuốc xạ hương để phòng bệnh dọc đường.

Khi về nhà, cọp nọ biếng ăn biếng uống. Về sau được thơ ông Tú tài gởi về, cả nhà mới biết rằng cọp đi kỳ rồi là để dâng thuốc. Ai nấy hết sức cảm động.

Vài năm sau, ông Tú tài đau nặng, nhờ hoàn thuốc nọ nên tạm thuyên giảm. Ông bèn gởi thơ nhắn đưa con trai lớn ra săn sóc. Đưa con đến nơi, ông đã chết.

Cọp ở nhà hằng ngày lo nuôi mẹ và em gái, rảnh thì vô rừng bắt heo hoặc đi lới xóm cọt bùa cho con nít kiếm tiền về chi dụng. Hồi ôi, gia đình bà Tú tài càng ngày càng suy sụp. Nhuốm bệnh, bà từ trần. Cọp khóc lóc thảm thiết, chạy đầu làng cuối xóm để báo tin buồn rồi lạy tạ ơn những người đến giúp chôn cất mẹ.

Năm bảy tháng sau, người con trai ở Huế về Bến-Tre. Chùng gặp mặt, cọp khóc lóc rồi dẫn hai anh em ra thăm mả của bà Tú tài. Đến nơi, cọp đập đầu vào mả mà tự tử.

Người con trai bèn để tang cho cọp, làm lễ chôn cất kỹ lưỡng rồi lập miếu thờ, đề mấy chữ: « Nghĩa Hồ Trương Huynh chi mộ ». Sau đó có người làm thơ khen tặng như vậy :

Hùm còn biết nghĩa nặng cùng người.

Trả thảo liễu thân giữa đất trời,

*Một tấm da dầu chôn chặt đất.
Trăm năm còn mãi tiếng khen đời.*



NGƯỜI RỪNG

CHÀNG nho sĩ nọ cưới cô vợ rất đẹp. Trong nhà, chàng cô nuôi đứa lớn gái. Một hôm đi hái củi về, đứa trẻ gái thuật lại rằng :

— Trên núi này có cái hang tối lắm. Hang quá sâu. Bỏ cục đá xuống nghe rền rền không bao giờ dứt.

Vợ chồng chàng nho sĩ bèn tò mò đến nơi xem thử. Rồi làm sao, cô vợ té xuống hố. Trên này, chàng cố thả dây xuống cho vợ leo lên, nhưng vô hiệu quả.

Chàng than khóc ngày này qua ngày nọ. Mỗi sâu không bao giờ người được.

Bỗng hôm nọ, đứa trẻ gái vô rừng hái củi, gặp cô chủ của mình khi trước đang đứng trên nhánh cây. Nó vừa mừng vừa sợ vì cô chủ đã

thay đổi : mình mảy mọc đầy lông, quần áo không có. Nó nói :

— Trời ơi ! Tại sao vậy ? Cậu ở nhà xiết bao sâu thẳm. Từ ngày cô biệt tích, cậu thề không cưới vợ khác. Tại sao cô không chịu về ?

Cô chủ bèn đáp :

— Về nói cho cậu rõ : cô không thể nào trở về sống chung được nữa. Cô khuyên cậu cưới vợ khác.

Đưa tôi gái với chàng về nhà báo tin. Chàng nhỏ sãi đến nơi, than khóc. Cô nọ không xuống đất nói chuyện. Sau cùng, cô ta chịu về nhà. Nhờ có vị lương y điều trị nên cô rụng hết lông, trở nên đẹp dễ hơn xưa.

Hỏi duyên cớ, cô nói :

— Khi té xuống hố, đói quá tôi phải ăn toàn là trái cây và lá cây mà sống. Lần hồi mình mảy trở nên nhẹ nhàng, tôi leo lên cây gọn gàng, mình mảy mọc đầy lông.

Người chồng rất dỗi ngạc nhiên, đoán rằng trong hang nọ có quỷ ở.



ĐƯA CON THẦN

HUYỆN THANH-CHƯƠNG, tỉnh Nghệ - An có người góa phụ tên là Huỳnh-thị-Phước.

Năm 40 tuổi, bà vô chùa tu. Đêm nọ, bà nằm mộng thấy một người mặt đỏ như son, bận áo xanh. Giật mình thức dậy, bà đến tìm ông Hòa thượng mà hỏi. Hòa thượng nói :

— Phật trời thấy bà là người nhơn đức, thiết tâm tu hành nên cho đưa con. Vậy thì bà nên ra khỏi chùa này, kéo nây mai sanh chời nầy lộc, xóm riêng hồ nghi cho tôi.

Chín tháng mười ngày, bà hạ sanh được một đứa con trai mặt mũi rất khôi ngô, tuấn tú. Hương chức làng truy ra, lên án ông Hòa thượng nọ về tội thông dâm, bắt buộc ông phải hoạn dưỡng đứa nhỏ nọ.

Lớn lên mười tuổi, đứa trẻ học hành siêng năng, có thiên tư, đọc trong nháy mắt là xong mười hàng chữ. Đến năm mười sáu tuổi, đứa bé cần có tên tuổi để đi thi. Người mẹ không biết đặt tên con là gì. Đêm đó, bà nằm mộng thấy thần linh mách bảo :

— Sáng mai, người bảo đứa trẻ leo lên cây thị, trên đó có khắc sẵn tên nó.

Hôm sau đứa bé tìm gặp mấy chữ Lương-Quy-Chánh trên cây. Nó mang tên đó, vài năm sau thi đậu cử nhơn. Ngày vinh qui bái tổ linh đình biết chừng nào ! Nhưng vài hôm sau, ông Hòa thượng liễu đạo. Chừng tần liệm biết rõ ông là người bán nam bán nữ, xóm riêng hiểu rằng bấy lâu nay ông chịu tiếng oan.



ĂN THỊT CHIM KHÁCH

HAI cậu đi học về gặp đứa chăn trâu đang cầm trên tay một con chim khách.

Nhìn tới lui, hiểu rằng hễ ai ăn thịt con chim đó thì sau này được làm vua, hai cậu bèn mua con chim giá là bốn ngàn quan.

Đem chim khách về nhà, hai cậu giao phó cho ba đứa tớ gái chăm sóc, nuôi nấng chim nọ. Đứa cho chim ăn, đứa lo tắm cho chim, đứa canh chừng kẻ trộm.

Có ông thầy phù thủy Tàu đi ngang qua, đoán được con chim khách nọ là vật quý. Thầy Tàu bèn ve vãn cưới được bà mẹ của hai cậu học trò (bà này góa chồng). Tháng sau, thầy Tàu kiểm chuyện đề về xứ. Bà vợ hết lời nài nỉ khuyên thầy ở lại. Thầy nói: phải làm thịt con chim khách đó cho tôi ăn thì tôi mới chịu ở.

Bà vợ quá thương chồng nên hạ lệnh làm thịt chim, mất dầu mảy đưa tờ gái can gián nói rằng chim này của hai cậu.

Lúc đó hai cậu đang ngồi học ở nhà trường. Vừa cầm viết lên thì thấy ruồi bu đầy. Đoán có điềm lạ, hai cậu xin phép về nhà. Chim đã nhỏ lông rồi, đang xào nấu. Thầy Tàu yên trí, nằm lim dim ở nhà trên để chờ ăn.

Lập tức, hai cậu ăn thịt chim khách nọ rồi cho mỗi đứa tờ gái một ngàn quan tiền, bảo chúng nó nên trốn lập tức. Phần hai cậu thì lên núi ở.

Trên núi, hai cậu tối ngày lo bắt chim mà nghe ngao chờ thời. Nhờ phép tiên nên sau này được dầu thai làm vua ở nước Tề và nước Sở.



LỢT SỐ DIÊM-ĐÌNH

THUỞ xưa, gia đình họ Liêu luôn luôn bị chết yểu, không một ai được sống hơn tuổi Nhan-Hồi (ba mươi mốt tuổi).

Trong khi ấy, ông Lữ-Vọng sống đã ba trăm tuổi mà hằng ngày hãy còn khỏe mạnh, ngồi câu cá trên thạch bàn.

Cảm thấy sự bất công đó, sau khi chết, một người của gia đình họ Liêu bèn kháng cáo với Diêm chúa.

Diêm chúa rất đỗi ngạc nhiên, phán rằng :

— Lẽ trời đất rất công bình, không bao giờ để một ai sống lâu quá trăm năm. Nhà ngươi đặt điều nói dóc! Theo bộ sổ của Diêm-đình, không có ai sống dai. Vậy thì nhà ngươi hãy đi mời Lữ-Vọng về đây để rõ đầu đuôi công việc.

Rồi cho hai tên quỷ sứ đi theo người họ Liêu trở về dương thế. Anh họ Liêu lúng túng không biết làm thế nào để chứng chắc rằng ông Lữ-Vọng sống ba trăm tuổi. Hỏi không khéo, ông chối thì sao. Anh ta bèn đến gần ông Lữ-Vọng mà thưa :

— Thưa ông, hồi cha tôi sanh tiền có nói rằng

ở đây có một hòn đá ngũ sắc xung quanh rất nhiều cá tôm. Cha tôi chết đã lâu, đến đời tôi thì tìm không được. Thiên hạ nói riêng với tôi rằng cục đá đó trôi ngược về chỗ này, gần ông. Xin ông chỉ dùm.

Ông Lữ-Vọng nổi cơn thịnh nộ, cãi lại:

— Chú điên rồi sao ? Tôi sống ở đây, câu cá từ ba trăm năm nay mà không hề thấy cục đá ngũ sắc nào trôi ngược hết.

Người họ Liêu bèn nói với hai tên quỷ sứ :
Rõ ràng chưa ! Ông nói ông sống từ ba trăm năm rồi đó !».

Dứt lời, Lữ-Vọng bị quỷ sứ bắt chết. Bấy lâu sở dĩ ông sống lâu như vậy là vì tên của ông bị sơ sót, quên lãng trong bộ tử của Diêm-đình.



NGƯỜI CHẾT TRẢ ƠN

Ở TỈNH BẮC-NINH, một chủ thợ khéo léo được vua đòi về Huế để xây cất hoàng thành

Mới đến Nghệ-An, chủ thợ nhuộm bệnh mà chết bên sườn núi. Liền theo đó, mỗi bu lại làm ổ, dùn lên như nấm mộ. Mấy đứa con của chú không hay biết cha mình chết trong trường hợp nào, ngày nào, mồ mã ở đâu đề cúng giỗ. Tuy họ được làm quan vinh hiển nhưng trong lòng không nguôi.

Kể bên nấm mộ nọ, có anh nông phu tên là khá, thấy mộ bỏ hoang, hằng ngày anh tới lui chăm sóc. Hôm nọ, đang cày ruộng thỉnh linh anh gặp một người lạ tới mời đi ăn giỗ. Hỏi ở gần hay ở xa, người nọ đáp: «Cứ đi theo tôi.»

Anh nông phu than rằng mình nghèo quá, không có áo lành lẽ.

Người nọ nói: «Đừng lo, tôi có cái áo này cho anh mượn mặc đỡ.»

Rồi nắm tay anh mà dắt đi về phía đầu làng. Chập sau, đến nơi cúng giỗ. Anh nông phu nọ hơi ngạc nhiên vì toàn là người lạ. Nhưng dúi quá anh cứ đầu ăn no say rồi ngã lăn ra ngủ.

Người bạn nói: «Mình đi về là vừa.»

Anh nông phu nọ vì chưa tỉnh rượu nên trả lời:

— Anh về trước đi. Tôi về sau cũng được. Đường về gần chớ xa xuôi gì.

Người bạn nói:

— Vậy thì anh trả áo lại cho tôi về trước.

Anh nông phu cởi áo ra trả, rồi nằm ngủ luôn giấc trưa. Chừng tỉnh rượu thì ô hô ! Chung quanh toàn là người lạ, cảnh lạ. Người trong nhà cũng ngạc nhiên không biết anh nông phu nọ là ông khách nào. Chừng hỏi han đầu đuôi, họ đoán rằng : « Có lẽ năm mộ nọ là của cha mình. Bấy lâu nay anh nông phu này có công giữ gìn nên cha mình trả ơn lại, mới mời về đây ăn giỗ »

Sau đó, họ đền ơn anh nào vàng bạc, lụa là. Từ Bắc-Ninh, anh nông phu phải đi bộ sáu ngày đường để về đến quê nhà Nghệ-An. Đến nơi vợ con chung hững vì hôm rày ngỡ là anh bị cọp bắt chết rồi...



VỢ KHÔN CHỒNG DẠI

CHị nọ rất khôn nhưng rủi gặp nhầm anh chồng quá dại. Hôm nọ dệt vải xong, chị giao cho anh chồng đem đi bán.

Đi suốt ngày, rao khan giọng, anh chồng không thấy ai mua. Bỗng đâu có ông thầy giáo đi ngang qua mua hai vốc. Ông nói : «Sáng mai anh lại nhà tôi mà lấy tiền. Nhà tôi ở chỗ chợ đông không ai bán, chỗ kèn thổi tò le, chỗ cây tre một mắt».

Hôm sau, anh chồng tìm hoài mà không gặp chỗ nào gọi là chợ đông mà không ai bán. . . Về nói cho vợ nghe, chị vợ mới đoán rằng người mua nọ là ông thầy giáo. Chợ đông không ai bán là trường học. Kèn thổi tò te là gần đám sậy có gió thổi. Cây tre một mắt là cọng hành. Vì vậy, chị vợ bảo chồng đến trường học mà đòi tiền, trường nọ ở gần đám sậy, trước cửa có trồng hành.

Anh chồng nọ kiếm được ông giáo đề đòi tiền. Ông giáo hỏi : «Tại sao anh biết tôi ở đây ?»

Anh nọ nói : «Vợ tôi đoán như vậy.»

Ông thầy tấm tắc khen thầm cô vợ nọ.

Chừng anh chồng ra về, ông gởi theo một nhánh bông lái cắm giữa một miếng cứt trâu khô.

Nhận được món quà nọ, cô sanh ra buồn bực, tủi phận mình. Ông giáo nọ có ý mỉa mai cô như câu hát :

Vợ khôn lấy thằng chồng dại,

Như bông hoa lái cắm bãi cứt trâu».

Nghĩ vậy cô vợ ra bờ sông, chờ nước lớn mà tự vận.

Ông giáo nọ đoán được việc ấy nên vô cùng hối hận, giả dò xách một cái rồ rách nát đi lại mé sông. Gặp cô vợ nọ ngồi trên bờ với vẻ mặt âu sầu, ông giáo nói :

— Chị kia, ngồi qua một bên đề tôi nhảy xuống sông xúc cá.

Cô vợ giựt mình, ngạc nhiên vì thấy một người đầu bạc hai thớ tóc mà quá đại, dùng cái rồ rách đề xúc cá. So sánh người già nọ với chồng mình ở nhà thì chồng mình coi vậy mà khôn hơn.

Nghĩ vậy, cô tự an ủi, trở về nhà không thêm tự tử.



CHỒNG GIẾT VỢ

ANH nọ theo gánh hát bội phương xa nên để vợ ở lại nhà. Cưng trở về, anh mới hay vợ anh đã tự tình với người khác.

Anh sắp đặt đề bắt ghen nhưng tên gian dâm nọ tẩu thoát. Anh nói với vợ :

— Tôi tha tội cho mình, nếu mình hẹn với tên nọ gặp mặt rồi xin cho được một lông tay của nó.

Tháng sau, anh chồng đi vắng. Người tình cũ trở lại. Chị vợ bèn nài nỉ :

— Nếu anh thương tôi thiết tình thì cho tôi xin một lông tay của anh để làm tin.

Người tình nọ bèn đưa tay vô miệng, cắn đứt một lông tay tặng cho tình nhân.

Chị nọ đem lông tay về dâng cho chồng. Anh chồng hết sức mừng rỡ. Đêm đó, anh giết vợ chết rồi cạy miệng vợ, để lông tay nọ vào. Rồi anh chạy ra ngoài tri hô :

— Hồi nầy có người ám sát vợ tôi.

Làng xóm kéo đến, khám nghiệm thấy trong miệng chị nọ có lông tay bị cắn đứt. Họ đoán rằng: «chị cắn ngón tay tên thủ phạm nọ để tự vệ.»

Điều tra lại thì trong làng hiện có một người bị đứt lông tay, đem ráp lại, rõ ràng tên gian dâm nọ là thủ phạm. Quan trên xử tử hắn.

Nhờ mưu mẹo hiểm độc ấy, anh chồng kia giết vợ là kẻ tình địch của mình mà khỏi bị ai tình nghi.

Thiệt là ác độc đến mức !



CON DƠI

PHỤNG-HOÀNG là chúa tất cả các loài chim. Hôm đó có lễ lớn, các loài chim đến châu chực. Dịp đó, con Dơi vắng mặt. Phụng hoàng hỏi tội, Dơi bèn trả lời :

— Tôi không phải thuộc loài chim. Tôi là thú bốn chân. Hai cánh của tôi là hai chân trước có móng hằn hời.

Vài hôm sau, Kỳ-Lân ra lệnh cho các loài thú đến châu.

Con Dơi cũng vắng mặt.

Hỏi tội, dơi bèn trả lời :

— Tôi không phải loài thú. Tôi có hai cánh bay được, rõ ràng tôi là loài chim đây nè..



BỘ RÂU CÒI

ĐÀN ÔNG mỗi người có một bộ râu khác nhau. Người thì râu rậm, người thì râu còi.

Sự tích như vậy :

Thuở xưa có hai kiềng chùa, một để thờ Phật đàn ông, một để thờ Phật bà. Đàn ông có việc cầu khẩn thì vào kiềng chùa thứ nhất ; đàn bà thì vào kiềng chùa thứ nhì.

Hễ ai muốn có bộ râu ba chòm cho lịch sự thì vào chùa thứ nhất. Họ sẽ được toại nguyện.

Nhưng năm đó, có người vì ở xa đến nên không rành, nhè nhẹ vào chùa Phật bà mà cầu nguyện. Phật bà hỏi :

— Nhà người muốn gì ?

Người nọ đáp :

— Xin được bộ râu thật tốt.

Phật bà bèn hạ lịch cho Ngọc-Nữ đem râu già lại gắn vào cằm anh nọ. Ngọc-Nữ có tánh e thẹn, không muốn lại gần đàn ông nên đứng ở xa mà phóng tới từng sợi râu. Vì vậy, râu cằm không được khéo, chỗ quá rậm, chỗ thì thưa thớt mấy sợi còi.



ÔNG VUA HEO

CÓ đứa trẻ mồ côi tên Heo, đến nhà một ông quan mà xin ở mướn. Hằng ngày, ông quan sai nó rửa chân cho ông. Ông dặn :

— Rửa cho thật kỹ. Coi chừng tróc ba cái bột son ở chân tao. Nếu tróc tao giết mày.

Nghe vậy tên Heo nói :

— Ông có ba cái bột son. Tôi đây có tôi chín bột. Như vậy là tôi có phước nhiều hơn ông.

Vị quan nọ biết tên Heo có tướng mạng làm vua nên bảo chị đầu bếp lén thuốc nó. Chị đầu bếp không nỡ làm chuyện ác. Chiều hôm đó, khi cho heo ăn, chị gõ máng mà làm ám hiệu : Heo ơi ! Đừng ăn mà chết ! Mày không ăn thì mày cũng chết ! Heo ơi là heo ».

Tên Heo nghe được, lập tức chạy lại chị đầu bếp mà hỏi sự tình. Nó hứa nay mai nếu được làm vua thì rước chị nọ về phong Hoàng-hậu. Chừng đó, chị nọ cứ bỏ tóc xỏa trên vai để làm dấu thì nó nhìn được.

Rồi tên Heo lật đật trốn vào chùa. Ông Hòa thượng dạy nó hằng ngày lau chùi mấy cốt Phật. Vì làm biếng, khi lau chùi nó ra lịnh : « Giở tay lên, để tay xuống... » Tượng Phật làm theo y lời. Hôm nọ, nó bảo tượng giở tay lên nhưng sau khi lau chùi, nó quên nói : « Để tay xuống ». Tượng Phật vẫn giở tay lên trời hoải. Hòa thượng thấy vậy bèn gọi làng xóm bắt nó để tra hỏi.

Tên Heo bèn trốn lập tức qua làng bên cạnh để làm vườn giữ vườn. Bữa đó, ra vườn nó chỉ ba cây cau rồi vui miệng nói :

— Cây này là ông nội, cây kia là con, cây nọ là cháu nội.

Tức thời mấy cây cau một lứa bỗng thay hình đổi dạng: Cây thì hóa lão, cây đang có quây, cây thì thấp chủng. Chủ nhà tức mình, rầy la tên Heo về tội phá hư vườn của mình, bảo phải sửa lại lời nói:

— Quân tử nhứt ngôn, ăn một đọi nói một lời. Tôi đã nói như vậy rồi, không nói ngược lại được.

Thế là bữa sau tên Heo bị đuổi. Nó đi lang thang, đêm đến vào nhà nọ để ngủ trọ. Nhà quá chật, tên Heo đành mời bà Cửu-Thiên Huyền-Nữ xuống đất, nhường cái trang cho nó. Bữa sau, chủ nhà ngạc nhiên thấy bao nhiêu đồ thờ đều dời xuống đất. Bà Cửu bèn đập đồng lên mà nói:

— Bởi vì hồi tối, người nọ có khí tượng Đế-vương đến ngủ, tôi phải nhường chỗ.

Từ đó, tên Heo mất dạng, được làm vua ở nước nào hoặc đầu thai đi đâu, không ai rõ.



THẰNG LÀM BIẾNG GẤP THỜI

CÓ thằng làm biếng nọ không cửa, không nhà, nằm trên bè tre mà ngủ. Bỗng đâu, có con cá nhảy lên bè. Nó bắt con cá nọ, lấy tay gỡ vảy cá. Vì làm biếng, nó dãi lên cá nọ cho sạch nhớt thay vì thò tay xuống sông rửa cá. Xong xuôi, nó thả con cá nọ lên bè mà phoi khô.

Lúc đó có con quạ bay ngang qua, xót con cá khô nọ đem về vườn Ngự-uyển. Công chúa thấy cá, bèn sai thị tỳ nướng để nàng ăn thử. Dè dặt, Công chúa thọ thai, sanh được đứa con trai ngộ nghĩnh.

Vua cha tức giận, nhốt Công chúa vào ngục nhưng sau rốt vì quá thương con nên thả Công chúa ra và truyền giao lựa chồng cho Công chúa. Bao nhiêu thanh niên văn hay võ giỏi tới xin ra mắt nhưng Công chúa không ưng ai. Lúc đó, chiếc bè của anh làm biếng nọ trôi rề rề ngang dền vua. Đứa con của Công chúa thấy vậy bèn kêu lên:

— Bè !... bè !.. ! Ba ! ba ơi !

Vua cha bèn kêu bè ghé lại, hỏi sự tình. Tên làm biếng nọ trở nên phò mã.



THẦN LINH PHÒ HỘ

CÔ gái nọ rất xinh đẹp, năm hai mươi tuổi mà vẫn chưa chồng. Mỗi ngày, cô mua nhan đèn đến miếu để cầu khấn sao cho gặp một người chồng xứng đáng.

Tên bán nhan đề ý, hằng ngày rình nghe sau bàn thờ thần nên biết đúng tâm sự cô nọ. Bữa đó, sau khi cô khấn vái, hẵn ta núp dưới bàn thờ mà nói :

— Ta là thần đây. Số phận của con là ưng tên bán nhang nọ. Mai sau, nó được làm vua, con sẽ được vinh hiển.

Cô gái nọ nài nỉ :

— Con không thể nào ưng anh bán nhang được. Anh thô tục quá.

Có tiếng trả lời :

— Nếu con không ưng nó, con bị móc mắt tức thì.

Vì quá sợ thần linh, cô nọ đến tìm anh bán nhang. Anh bán nhang làm bộ tỉnh táo, ban đầu từ chối, sau mới bảo cô nọ vô ngồi trong cái giỏ đựng nhang để anh quảy về nhà.

Dọc đường, gặp ông vua đi săn cọp. Tên bán nhang hoảng sợ, bỏ cái giỏ nợ mà chạy trốn. Vua nghe tiếng la hoảng hốt trong giỏ bèn ngừng kiệu lại. Biết đầu đuôi tự sự, vua thương tình đem nạng nợ về phong làm hoàng hậu. Thay vào đó, vua đem một con cọp vừa săn được bỏ trong giỏ y như cũ.

Chập sau tên bán nhang trở lại quảy giỏ về nhà. Hắn bảo mẹ đi chợ mua gà vịt về để làm lễ cưới cho hắn. Rồi hắn mở giỏ ra tìm cô gái.

Cọp trong giỏ nhẩy ra giết hắn chết tức thì.



CON NGỒNG CÓ MỒNG TRẮNG

ANH nợ dạo chơi ngoài vườn gặp một cái hang rần. Mấy ngày đầu, anh thấy lúc rần cái đang lột da trong hang thì rần đực canh chừng và kiếm đồ ăn về cho vợ. Đến phiên con rần đực lột da, rần cái bỏ bê đi tình tự với con rần khác.

Tức mình, anh giương cung bắn răn cái nọ chết. Chừng mạnh mẽ, răn được nhìn được mũi tên nọ bèn đến tận nhà mà trả thù cho vợ.

Răn ta nằm trên máng xối nghe anh nọ nói chuyện với vợ về sự bạc tình của con răn cái nọ. Răn bèn nhả ra một cục ngọc để đền ơn anh rồi bỏ đi mất. Đó là cục «ngọc nghe».

Nhờ cục ngọc đó, anh nọ có thể nghe được tiếng nói của loài vật.

Nghe tui kiến lửa thì thảo :

— «Mai đây có nước lụt, phải làm ổ trên đất cao». Anh nọ bèn bảo vợ mau dọn nhà vì ngày mai có mưa to. Hôm sau đúng như vậy. Vợ anh rất khâm phục.

Bữa khác, anh đi lại nhà anh em bạn chơi. Bạn hết sức mừng rỡ mời lại ăn cơm. Nhờ cục ngọc nọ anh nghe mấy con ngỗng trong chuồng nói với nhau :

— «Mai này mình chết hay tôi chết ? Nếu tôi bị cắt cổ làm thịt, mình ráng ở lại nuôi con».

Quá cảm động, anh can gián chủ nhà, biểu dọn cơm dưa muối cũng được.

Vài năm sau, anh nọ chết. Mấy con ngỗng nhớ

ơn cứu tử phen nọ nên đề tang cho anh. Vì vậy, mồng của con ngỗng trở màu trắng.



SAO HÔM, SAO MAI

ANH tiều phu nọ đến tuổi thành linh gặp một bầy Tiên đang tắm. Tiên vội khoác quần áo bay về trời ; còn sót một cô bay không được vì bộ quần áo của cô bị anh tiều phu giấu.

Nhờ vậy, anh tiều phu bắt cô Tiên nọ đem về làm vợ. Anh giấu bộ quần áo nọ thật kỹ dưới đáy bồ lúa, sợ vợ thấy được, ăn cắp bay trở về trời.

Họ sanh được đứa con trai. Hôm nọ, anh tiều phu đi vắng nhằm lúc ở nhà có người đến mua lúa. Khi xúc tới đáy bồ, bộ xiêm y lòi ra. Vợ hết sức mừng, mặc vào rồi nói lại với đứa con :

— Mẹ đây cốt Tiên, không thể nào ở mãi dưới trần thế được. Con đừng buồn. Mẹ để lại cho con cái lược này làm dấu tích.

Dứt lời, nàng bay mất. Anh tiều phu về, hay được sự tình, ngã lăn ra khóc lóc, bất tỉnh nhân sự. Từ đó, ngày này qua ngày khác, anh dắt con ra suối tìm hình dáng người xưa.

Suối đó vốn thiết là suối Tiên. Khi về được nơi tiên giới rồi, nàng Tiên nọ không dám trở lại nữa, nên sai Ngọc Nữ xuống mức nước thể cho mình. Bữa đó hai cha con anh tiều phu gặp hai cô gái đang mức nước tại suối. Anh hỏi han tin tức nàng Tiên, hai cô nọ trả lời không biết. Trong lúc nói chuyện qua lại, đứa con anh làm rớt cây lược vào trong hồ nước. Chứng đem hồ nước về tiên giới, nàng Tiên nọ nhận ra đó là chồng con mình đến suối để tìm. Nàng nói :

— Ngọc Nữ hãy đem cái khăn này xuống cõi trần, bảo anh tiều phu và đứa con bịt nó ngang đầu. Khăn phép này sẽ giúp họ dàng vãn về đây.

Anh tiều phu làm y theo lời. Quả nhiên đến cõi Tiên gặp mặt vợ. Sau phút sum họp, nàng Tiên nói :

— Ta là Tiên. Chàng là khách tục. Hai ta không thể nào sum họp được. Hôm nay chỉ tạm gặp mặt nhau. Rồi đây phải từ biệt.

Nàng Tiên bèn thết tiệc rồi bảo chồng và con

lên ngồi trên một cái trống lớn có cơm đem theo để ăn dọc đường. Trên này có dây thông xuống. Khi nào đến mặt đất thì anh phải đánh trống lên để trên này biết chừng mà chặt đứt dây.

Trống nọ thả xuống tồn ten giữa trời. Bỗng nhiên, có con quạ thấy đứa bé đang ăn cơm bên bu lại mổ vào cơm. Trống kêu lên «lung tung». Trên này, ngỡ là chồng và con đã xuống tới đất. Nàng Tiên chặt đứt dây, Hai cha con anh tiều phu nọ phải té xuống biển mà chết.

Từ đó, có sao Hôm và sao Mai mọc. Sao Hôm là anh tiều phu, sao Mai là nàng Tiên nọ. Họ không bao giờ gặp nhau. Đứa con trai thì hóa ra sao Đồn Gánh ở khoảng giữa mà ngóng cha trông mẹ.



LA-SƠN PHU-TỬ

CUỐI đời nhà Lê, ở huyện La-Sơn xứ Nghệ-An (nay là tỉnh Hà-Tĩnh) có một nhân

tài lỗi lạc đã từng được vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ mời ra làm quân sư.

Đó là ông Nguyễn-Thiếp.

Năm được hai mươi tuổi, cụ mắc bệnh điên. Về sau bệnh không còn, nhưng cụ đặt hiệu mình là Cường - Ẩn hoặc Điên - Ẩn. Cụ thi đậu nhưng không thích làm quan, rút lui về tu tiên tại núi Thiên-nhận.

Nghe danh của cụ, Nguyễn - Huệ ba lần gửi thư mời giúp việc nước nhưng cả ba lần đều bị chối từ. Sau rốt, cụ chịu hiệp tác với nhà vua, khuyên vua ba điều :

— *QUẢN ĐỨC* nghĩa là vua phải làm thế nào cho có đức.

— *DÂN TÂM* nghĩa là làm thế nào cho dân ủng hộ.

— *HỌC PHÁP* nghĩa là cách học hành kinh sử cho đúng đắn.

Năm cụ được sáu mươi sáu tuổi, bọn Tôn-Sĩ-Nghị kéo quân Thanh tráo vào chiếm Thăng-Long. Vua Quang-Trung bèn xua binh ra Bắc. Lúc đi ngang Nghệ-An, nhà vua bèn triệu cụ để hỏi :

CHUYỆN XUA TÍCH CŨ

— Nghe thầy học tinh tường về khoa lý-số lại hay về mưu lược. Nay Tôn-Sĩ-Nghị nó sang, Thầy nghĩ chước nào ?

Cụ Nguyễn-Thiếp thưa rằng :

— Quân qui thần tốc. Người Mãn-Thanh ở xa tới không biết ranh tình hình nước ta. Vả lại chúng nó có bụng khinh địch. Nếu đánh gấp thì trong vòng mười ngày sẽ phá tan. Nếu trì hoãn thì khó lòng mà thắng chúng nó.

Vua Quang - Trung nói :

— Phải, Phải. Tôi nay ra Bắc - Hà đánh nó cho chết. Tôi mà dẹp được giặc Tàu xong thì xin rước thầy ra dạy học. Tôi muốn khi dụng gì cũng chẳng mua của nước Tàu, người mình tự làm lấy mà xài.

Cụ Nguyễn-Thiếp thưa rằng :

— Chỉ có thuốc Bắc là phải dùng của Tàu mà thôi !

Quân Mãn-Thanh phải tan vỡ ở Đống-Đa. Về sau, vua gởi thơ cho cụ đề cảm tạ rằng :

— Tiên sinh đã chịu làm việc thiên hạ

Người xưa bảo :

— Một lời nói mà dấy nổi đồ cơ. Lời Tiên sinh hẳn có thể thật.

Ý của vua Quang-Trung là nhìn nhận cụ đã có công trong việc chiến thắng quân Tàu.

Cụ La-Son phu-tử Nguyễn-Thiếp thọ được 81 tuổi. Nay ở xã Nam-Kim, tỉnh Hà-Tĩnh còn ngôi mộ của cụ.

XIN XEM TIẾP QUYỂN NHÌ

CHUYỆN XƯA TÍCH CŨ
của **SƠN-NAM** do nhà
RẠNG-ĐÔNG xuất-bản
Giấy phép số : 40 / X. B.
ngày 7 tháng 1 năm 1965
của U. B. K. D. T. U.

Giá: 25đ.